

Số: /BC-UBND

Tủa Chùa, ngày tháng 6 năm 2023

## BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2023**

### Phần thứ nhất

## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG - AN NINH 6 THÁNG ĐẦU NĂM

### A. BỐI CẢNH THỰC HIỆN

Thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2023, trong bối cảnh mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, thách thức do kinh tế thế giới nói chung và kinh tế nước ta còn nhiều khó khăn, tình hình thời tiết, khí hậu, thiên tai diễn biến bất thường đã tác động trực tiếp đến đời sống của nhân dân và ảnh hưởng lớn đến kết quả thực hiện các mục tiêu trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, song được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, của các bộ, ngành trung ương, đặc biệt là sự quan tâm sát sao, chỉ đạo kịp thời của Tỉnh ủy, HĐND&UBND, các sở, ngành tỉnh nhiều chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện đã đạt và vượt mục tiêu đề ra. Tuy nhiên, bên cạnh đó huyện còn gặp rất nhiều khó khăn, thách thức, nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước chưa đáp ứng được yêu cầu, thời tiết, khí hậu, thiên tai, dịch bệnh... diễn biến bất thường; một số loại tội phạm có lúc, có nơi diễn ra phức tạp; tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo còn cao, dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi có những yếu tố phức tạp.

Trong bối cảnh đó, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc huyện Tủa Chùa đã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu và đã đạt được kết quả khá toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh.

### B. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

#### I. Trên lĩnh vực phát triển kinh tế

##### 1. Sản xuất nông nghiệp

##### 1.1. Cây lương thực

a) Cây lương thực có hạt: Tổng diện tích cây lương thực có hạt đạt 7.081/9.193 ha (đạt 77,03% kế hoạch giao); Tổng sản lượng lương thực có hạt ước đạt 3.870,11 tấn (đạt 13,41% kế hoạch giao), trong đó:

- Lúa xuân: Gieo trồng 582/590 ha (đạt 98,64% kế hoạch); năng suất ước đạt 62,21 tạ/ha, sản lượng ước đạt 3.620,11 tấn (đạt 98,43% kế hoạch);

- Lúa nương: Gieo trồng 1.336/1.386 ha (đạt 96,39% kế hoạch giao), hiện cây lúa đang sinh trưởng, phát triển tốt;

- Ngô xuân: Gieo trồng 133 ha (đạt 100% kế hoạch), năng suất đạt 19,8 tạ/ha, sản lượng đạt 263,34 tấn (đạt 100% kế hoạch giao);

- Ngô mùa: Gieo trồng 5.030 ha (đạt 100% kế hoạch), hiện cây ngô đang sinh trưởng, phát triển tốt.

b) Cây lương thực khác: Tổng diện tích trồng 665/660 (đạt 100,75% kế hoạch), trong đó: Cây sắn trồng 595/575 ha (đạt 103,48% kế hoạch); cây khoai trồng 70/85 ha (đạt 82,35% kế hoạch).

## 1.2. Cây công nghiệp

- Cây đậu đỗ các loại gieo trồng 115/143 ha (đạt 80,42% kế hoạch), cây lạc trồng 11/40 ha (đạt 27,5% % kế hoạch), năng suất đạt 11,8 tạ/ha, sản lượng đạt 13 tấn (đạt 27,5% kế hoạch giao);

- Cây Chè: Tiếp tục vận động nhân dân bảo vệ, chăm sóc 595,89 ha chè hiện có, đến thời điểm hiện tại sản lượng chè búp tươi đạt 52 tấn, sản lượng chè thương phẩm chế biến đạt 8,67 tấn (đạt 65% kế hoạch giao).

**1.3. Chăn nuôi, thú y:** Tổng đàn gia súc, gia cầm đạt 364.700 con<sup>1</sup> (đạt 97,64% kế hoạch). Cấp phát 29.400 liều vắc xin<sup>2</sup>, 1.000 lít hóa chất thực hiện tiêm phòng, phun phòng định kỳ vụ xuân hè, đã thực hiện tiêm 26% số lượng vắc xin cấp. Trong 6 tháng đầu năm, trên địa bàn xã Xá Nhè phát hiện bệnh Nhiệt Thán làm chết 10 con trâu, bò, UBND huyện đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với Chi cục Thú y tỉnh lấy mẫu xét nghiệm, hướng dẫn UBND các xã tiêu hủy, khoanh vùng dịch bệnh tránh dịch bệnh lây lan rộng, đến nay ổ dịch cơ bản đã được kiểm soát.

**1.4. Thủy sản:** Toàn huyện có 75 ha diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản, 72 lồng bè nuôi trồng thủy sản tại các xã vùng lòng hồ Sông Đà; sản lượng nuôi trồng đạt 33,2 tấn (đạt 31,33% kế hoạch); sản lượng khai thác, đánh bắt đạt 17,56 tấn (đạt 35,8% kế hoạch).

## 1.5. Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân bảo vệ diện tích rừng hiện có, khuyến khích phát triển khoanh nuôi tái sinh rừng, thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ và chi trả dịch vụ rừng, thực hiện trồng 635 cây giống dịp Tết trồng cây năm 2023, vận động người dân đăng ký khoanh nuôi tái sinh 200 ha rừng tự nhiên;

- Kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng, trong 6 tháng đầu năm 2023, xảy ra 01 vụ cháy rừng với 500m<sup>2</sup> tại xã Tả Phìn; phát hiện 39 vụ vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp<sup>3</sup>, tịch

<sup>1</sup> Đàn trâu 15.960 con (đạt 99,04% kế hoạch); đàn bò 5.249 con (đạt 106,67% kế hoạch); đàn lợn 49.210 con (đạt 98,54% kế hoạch); đàn dê 17.435 con (đạt 102,89% kế hoạch); đàn ngựa 476 con (đạt 107,45% kế hoạch); đàn gia cầm 276.370 con (đạt 97,17% kế hoạch).

<sup>2</sup> 5.100 liều vắc xin nhiệt thán, 10.300 liều vắc xin Tụ huyết trùng; 11.000 liều vắc xin dịch tả lợn; 3.000 liều vắc xin đại;

<sup>3</sup> 01 vụ khai thác rừng tại xã Tủa Thành với 3,811m<sup>3</sup>, 14 vụ phá rừng với diện tích 44.464m<sup>2</sup> (xã Tủa Thành 03 vụ với diện tích 1.959 m<sup>2</sup>; Tả Sin Thành 01 vụ với diện tích 6.300 m<sup>2</sup>; Sín Chải 8 vụ với diện tích

thu 13,884m<sup>3</sup> gỗ các loại; 6,106 m<sup>3</sup> gốc, rễ gỗ thông thường; 04 máy cưa xăng, 14 con dao phát, 01 chiếc rìu sắt, tạm giữ 01 xe ô tô; thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 71.000.000 đồng.

### **1.6. Thực hiện các chính sách hỗ trợ sản xuất**

- Vận động nhân dân, các đơn vị chủ trì liên kết tổ chức đăng ký thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên;

- Thực hiện 5 mô hình trình diễn áp dụng giống mới (Đài thơm 8, Dự hương 8) bằng nguồn vốn Nghị định 62/2019/NĐ-CP trên địa bàn xã Xá Nhè, Mường Báng, Thị trấn, Tả Phìn, Mường Đun với quy mô 85 ha với 696 hộ tham gia; năng suất ước đạt 78 tạ/ha, sản lượng ước đạt 663 tấn, tiếp tục triển khai 01 mô hình áp dụng giống mới sản xuất vụ mùa (ADI 168, nếp 97, BC 15) quy mô 80 ha trên địa bàn các xã Mường Báng, Mường Đun, Tủa Thàng, Xá Nhè, Trung Thu.

- Ban hành Quyết định phê duyệt danh mục định hướng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trung hạn lĩnh vực nông nghiệp sử dụng nguồn vốn các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025<sup>4</sup>; Thông báo tuyển chọn đơn vị chủ trì thực hiện các liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị trên các phương tiện truyền thông đến các doanh nghiệp, HTX sử dụng nguồn vốn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023. Hiện đã triển khai 01 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng chăn nuôi vịt thương phẩm trên địa bàn 2 xã Mường Đun, Xá Nhè với quy mô 9.060 con, 88 hộ tham gia sử dụng nguồn vốn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023. Chưa thực hiện giải ngân thanh toán.

## **2. Công nghiệp, xây dựng**

**2.1. Công nghiệp:** Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu: Điện sản xuất; đá xây dựng; gạch xây dựng; nước máy sản xuất; các nghề rèn, thêu, dệt thổ cẩm, sản xuất thủ công nghiệp quy mô nhỏ. Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) ước đạt đạt 109,6 tỷ đồng (đạt 53,3% kế hoạch giao).

### **2.2. Giao thông, xây dựng và quản lý quy hoạch**

**a) Giao thông:** Hoạt động dịch vụ vận tải được duy trì, đảm bảo phương tiện giao thông công cộng và an toàn giao thông để nhân dân đi lại thuận lợi, an toàn; chỉ đạo các xã tu sửa các tuyến đường giao thông liên xã, liên thôn, bản; chỉ

---

34.290 m<sup>2</sup>; Mường Báng 1 vụ với diện tích 1.420 m<sup>2</sup>; Mường Đun 01 vụ với diện tích 495 m<sup>2</sup>), 15 vụ tàng trữ lâm sản trái pháp luật, 08 vụ vận chuyển lâm sản trái pháp luật.

<sup>4</sup> Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 về Danh mục định hướng các Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trung hạn lĩnh vực nông nghiệp sử dụng nguồn vốn các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện; Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 21/2/2023 về Danh mục định hướng các Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trung hạn lĩnh vực nông nghiệp thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Tủa Chùa”.

trả 283,5 triệu đồng kinh phí khoán duy tu các tuyến đường, xử lý 343 trường hợp vi phạm về trật tự an toàn giao thông, nộp ngân sách Nhà nước 457,5 triệu đồng.

**b) Quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng, thẩm định các dự án đầu tư:** Tiếp tục rà soát điều chỉnh quy hoạch trên địa bàn huyện; hoàn thiện hồ sơ và dự thảo Báo cáo trình UBND tỉnh thông qua đồ án quy hoạch Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên đến năm 2035; Tăng cường quản lý nhà nước trong công tác quản lý quy hoạch, đầu tư, xây dựng; quản lý cây xanh đô thị; cấp phép xây dựng. Trong 6 tháng đầu năm 2023 đã tiếp nhận và cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ cho 11 hộ gia đình.

### **3. Thương mại, dịch vụ**

- Hoạt động thương mại trên địa bàn huyện tiếp tục phát đa dạng bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa, bình ổn thị trường, hàng hóa đáp ứng đủ cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân, giá cả các mặt hàng thiết yếu tương đối ổn định. Với sự tham gia tích cực của các thành phần kinh tế, hoạt động đầu tư phát triển hạ tầng cơ sở thương mại được quan tâm, được chú trọng đầu tư, phát triển đa dạng ngành hàng đã góp phần thúc đẩy hoạt động thương mại phát triển. Hệ thống mạng lưới thương mại tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa đã được quan tâm phát triển góp phần cung cấp các nguồn hàng hóa chất lượng đến với đồng bào, dân tộc trong vùng. Triển khai tích cực thực hiện cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, chương trình đưa hàng Việt về nông thôn. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 312,6 tỷ đồng (đạt 51,95% so với kế hoạch giao);

- Hoạt động dịch vụ vận tải, dịch vụ bưu chính, viễn thông được duy trì được duy trì, hành khách vận chuyển ước đạt 79.200 người (đạt 51,1% kế hoạch giao); Hành khách luân chuyển ước đạt 13.926 nghìn người.km (đạt 52,48% kế hoạch giao); Hàng hóa vận chuyển ước đạt 274.600 tấn (đạt 54,7% kế hoạch giao); Hàng hóa luân chuyển ước đạt 11.783 nghìn tấn.km (đạt 53,2% kế hoạch giao);

- Bưu chính - viễn thông: Duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động của 01 đơn vị bưu chính, 02 đơn vị viễn thông, 67 trạm phát sóng di động, 12/12 xã, thị trấn có sóng điện thoại di động và internet.

- Điện lực: Toàn huyện có 12/12 xã, thị trấn, 111/120 thôn, bản, tổ dân phố có điện lưới quốc gia, 10.303 khách hàng sử dụng điện; tổng lượng điện thương phẩm đạt tổng lượng điện thương phẩm đạt 6,245 triệu Kwh.

### **4. Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách:**

- Tổng thu Ngân sách Nhà nước thực hiện đến ngày 31/5/2023: 354.089.580.466 đồng, trong đó ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp 353.305.100.374 đồng (đạt 60% dự toán tỉnh và huyện giao); so với cùng kỳ năm 2022 tăng 23%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2023 đạt 369.639.607.877 đồng, trong đó Ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp 368.808.607.877 đồng (đạt 62% dự toán tỉnh và huyện giao), trong đó thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn thực hiện đến ngày 31/5/2023 đạt 7.896.972.589 đồng (đạt 58% dự toán tỉnh

giao và đạt 56% dự toán huyện giao); so với cùng kỳ năm 2022 tăng 27%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2023 đạt 8.447.000.000 đồng (đạt 63% dự toán tỉnh giao và đạt 60% dự toán huyện giao);

- Tổng chi Ngân sách địa phương thực hiện đến ngày 31/5/2023 đạt 232.673.215.406 đồng (đạt 39% dự toán giao); so với cùng kỳ năm 2022 tăng 21%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2023 đạt 276.757.742.300 đồng (đạt 47% dự toán giao).

**5. Phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể:** Tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện hiệu quả Nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, gắn với nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; tăng cường hoạt động gặp mặt, đối thoại giữa chính quyền với doanh nghiệp, tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp nhất là trong bước thực hiện dự án đầu tư. Toàn huyện có 04 chi nhánh doanh nghiệp, 34 doanh nghiệp tư nhân, 12 hợp tác; 1.156 hộ kinh doanh cá thể đang hoạt động. Trong 6 tháng đầu năm có 01 hợp tác xã; 41 hộ kinh doanh cá thể đăng ký thành lập mới; 03 hộ kinh doanh cá thể chấm dứt hoạt động kinh doanh; 05 hợp tác xã hoạt động cầm chừng, đang hoàn thiện thủ tục giải thể<sup>5</sup>.

## **6. Tài nguyên và môi trường**

### **6.1. Đất đai**

- Tiếp tục triển khai quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023; trình UBND tỉnh phân bổ bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và đăng ký bổ sung nhu cầu sử dụng đất để thực hiện các công trình, dự án trong năm 2023; đăng ký kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2023 trình UBND tỉnh phê duyệt để phục vụ cho công tác bồi thường, GPMB các dự án;

- Thực hiện thông kê đất đai năm 2022 trên địa bàn huyện gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường nhận bàn giao đất tại thực địa thửa đất của Công ty Cổ phần giống Nông nghiệp Điện Biên, Công ty Dược vật tư Y tế tỉnh Điện Biên trên địa bàn huyện để quản lý, sử dụng theo quy hoạch; Thu hồi, trình UBND tỉnh giao 191.921,8 m<sup>2</sup> đất để thi công công trình đường Thị trấn - Sính Phình - Tả Phìn;

- Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất đai, tài sản, cây cối hoa màu của 186 hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã Sính Phình, Tả Phìn, thị trấn Tòa Chùa để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp tuyến đường Thị trấn - Sính Phình - Tả Phìn (lần 2, lần 3), trình thẩm định phương án bồi thường GPMB 09 hộ để xây dựng công trình hệ thống cấp nước bổ sung của nhà máy nước;

- Tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh việc giao đất, giao rừng, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp giai đoạn 2019-2023 trên địa bàn, đến nay

---

<sup>5</sup> Hợp tác xã: Linh Hồng Việt, Đức Chính, Quyết Tiến, Dịch vụ nông nghiệp thị trấn, nông nghiệp Huổi Trảng.

đã giao, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp có rừng được 2.956,76 ha/3009,93 ha (đạt 98,23% so với diện tích tỉnh giao), đã đo đạc, rà soát được là 12.376,4 ha/16.448.44 ha (đạt 75,24% so với diện tích tỉnh giao), hiện đang tiến hành đo đạc, rà soát bổ sung thêm diện tích trên địa bàn các xã và hoàn thiện hồ sơ địa chính). Cho phép 01 trường hợp chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở tại đô thị với diện tích là 112 m<sup>2</sup>;

- Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với 94 hợp; xác nhận sau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 15 trường hợp; đăng ký biến động do thay đổi thông tin của người sử dụng đất cho 73 trường hợp; giao dịch đảm bảo cho 170 trường hợp; chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất 74 trường hợp; gia hạn sử dụng đất nông nghiệp cho 08 trường hợp.

**6.2. Lĩnh vực tài nguyên, khoáng sản:** Xây dựng và ban hành hệ thống các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về lĩnh vực tài nguyên trên địa bàn; phối hợp kiểm tra thực địa khu vực đăng ký khai thác đá làm VLXD thông thường trong diện tích xây dựng Tuyến đường Tả Sơn Thành - Páo Tỉnh Làng - Sáng Tớ đi Sín Chải - Huổi Sớ; triển khai thực hiện các quy định đối với hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước; rà soát, lập danh sách các khu vực đã, đang và có nguy cơ thiếu nước trong thời gian tới; chỉ đạo xử lý, trám lấp giếng không sử dụng để bảo vệ tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn huyện; đề xuất các khu vực điếm mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường để bổ sung vào Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

**6.3. Lĩnh vực bảo vệ môi trường:** Ban hành Chỉ thị về bảo vệ môi trường; chỉ đạo công tác bảo vệ môi trường trước, trong và sau tết Nguyên đán; quản lý, xử lý chất thải và vệ sinh môi trường; tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày Nước thế giới 22/3; ngày Khí tượng thế giới 23/3 và Chiến dịch Giờ Trái đất năm 2023. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với Công ty Cổ phần Trường Thịnh (dự án thủy điện Đê Bâu) và Trung tâm Y tế huyện Tủa Chùa.

## **7. Công tác thủy lợi, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn**

**7.1. Thủy lợi:** Trên địa bàn huyện Tủa Chùa có 80 công trình thủy lợi, 79 công trình sử dụng có hiệu quả; 01 công trình hỏng không còn sử dụng được. Thường xuyên kiểm tra các công trình thủy lợi, các hồ chứa, nạo vét kênh mương, chủ động điều tiết nước hợp lý, cơ bản đảm bảo cung cấp đủ nước cho sản xuất nông nghiệp, quản lý chặt chẽ nguồn nước, tránh lãng phí; kịp thời khắc phục, sửa chữa các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt phục vụ nhu cầu cấp thiết cho sinh hoạt và sản xuất của người dân trên địa bàn.

**7.2 Khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu nạn:** Xây dựng phương án phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2023. Trong 6 tháng đầu năm 2023, thời tiết diễn biến hết sức bất thường, cực đoan gây thiệt hại lớn cho kinh tế - xã hội của huyện. Đợt rét đậm, rét hại xảy ra trong tháng 1 làm chết 09 con trâu,

bò, tại các xã: Sính Phình, Tả Sìn Thàng, Xá Nhè, Tả Phìn, Tủa Thàng; khô hạn xảy ra trong tháng 3-4 làm chết khoảng 03 tấn cá các loại nuôi trong lồng bè của hộ dân tại xã Huồi Sớ; 0,525 ha diện tích nuôi trồng thủy sản tại xã Tả Phìn; 1.187,75 ha cây trồng trên địa bàn các, thị trấn bị ảnh hưởng<sup>6</sup>; mưa đá, giông lốc xảy ra trong tháng 4-5 làm thiệt hại 50m<sup>2</sup> tấm nhựa sáng tại Trường PTDTBT THCS Sín Chải; 30% mái nhà lớp học trường Mầm non Sín Chải và toàn bộ mái nhà Trạm y tế xã Xá Nhè bị tốc, 24 hộ dân thiệt hại về nhà ở; trên 400 ha ngô nương tại xã Sín Chải và Tả Sìn Thàng; 30 ha đậu, đỗ, rau các loại bị dập nát, đổ gãy. Bước vào mùa mưa lũ làm chết 01 người tại xã Sính Phình, đất đá lấp 1.000 m<sup>2</sup> ruộng lúa; 1.000 m<sup>2</sup> bờ ao tại xã Mường Báng. Ước thiệt hại do thiên tai gây ra từ đầu năm đến nay khoảng 1.250 triệu đồng. Hiện tại diện tích cây nông nghiệp bị ảnh hưởng do mưa đá cơ bản đã phục hồi.

**8. Xây dựng nông thôn mới:** Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan đơn vị và UBND các xã thực hiện nghiêm các văn bản của Trung ương, của tỉnh về thực hiện các CTMTQG về xây dựng nông thôn mới<sup>7</sup>; duy trì và nâng cao các tiêu chí đã đạt trên địa bàn các xã, triển khai thực hiện các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới; Đến nay, bình quân các xã trên địa bàn các huyện đạt 10,72/19 tiêu chí; Các xã Mường Báng, Xá Nhè, Mường Đun, Tủa Thàng, Sính Phình, Trung Thu cơ bản hoàn thành 10-14 tiêu chí, 05 xã còn lại cơ bản đạt 9 tiêu chí).

## II. Lĩnh vực văn hoá - xã hội

### 1. Giáo dục và đào tạo

#### 1.1. Lĩnh vực giáo dục

- Duy trì huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục xóa mù chữ mức độ 2, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, phổ cập THCS mức độ 2, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi; 10/12 xã, thị trấn được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; 06/12 xã, thị trấn được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3.

- Năm học 2022-2023, toàn huyện có 42 cơ sở giáo dục; 24/41 trường đạt chuẩn quốc gia; 723 nhóm, lớp và 21.034 học sinh, học viên<sup>8</sup>; so với đầu năm học giảm 203 học sinh, học viên<sup>9</sup>.

<sup>6</sup> 15 ha lúa tại thị trấn, các xã: Mường Báng, Xá Nhè, Mường Đun, Tủa Thàng, 351 ha ngô tại xã: Mường Đun, Sính Phình, Tả Sìn Thàng, Lao Xá Phình bị ảnh hưởng trên 70% khó có khả năng khắc phục được; 3,86 ha cây đào tại xã Tả Phìn; 2,89 ha cây quế tại xã Huồi Sớ bị thiệt hại 100%. Đến nay người dân đã chủ động trồng dặm bổ sung lại các diện tích cây ngô bị ảnh hưởng do hạn hán.

<sup>7</sup> Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành bộ tiêu chí Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 1833/QĐ-UBND về Ban hành Bộ tiêu chí xã Nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 1926/QĐ-UBND về việc ban hành Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới và Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Điện Biên đến năm 2025.

<sup>8</sup> Mầm non: 14 trường, 239 nhóm, lớp, 5.873 trẻ, trong đó: Nhà trẻ 53 nhóm, 1.281 trẻ, mẫu giáo 186 lớp, 4.592 trẻ; tiểu học 13 trường, 296 lớp, 8.420 học sinh; trung học cơ sở 10 trường và 02 trường THPT có học sinh trung học cơ sở 138 lớp, 5.046 học sinh; THPT 04 trường, 47 lớp, 1.720 học sinh; 01 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên với 03 lớp bổ túc THPT, 64 học viên.

- Tỷ lệ trẻ từ 03 đến dưới 36 tháng tuổi ra lớp đạt 28,8%; tỷ lệ trẻ 3-5 tuổi ra lớp đạt 99,9%; tỷ lệ trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 100%; tỷ lệ học sinh 6 tuổi vào học lớp 1 đạt 99,9%; tỷ lệ học sinh 6-10 tuổi học tiểu học đạt 99,9%; tỷ lệ học sinh 11 tuổi vào lớp 6 đạt 96.23%; tỷ lệ học sinh 11-14 tuổi học trung học cơ sở đạt 93.8%; tỷ lệ học sinh 15 tuổi vào lớp 10 đạt 55,7%; tỷ lệ học sinh 15 đến 18 tuổi học THPT đạt 61%.

- Tiếp tục đầu tư, tu sửa cơ sở vật chất trường học bằng các nguồn vốn ngân sách sự nghiệp và các nguồn huy động từ các tổ chức cá nhân để hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện; Nhận bàn giao và đưa vào sử dụng điểm trường Đê Tàu, trường Mầm non xã Mường Đun với tổng mức tài trợ 1,65 tỷ đồng từ Hệ thống trường học Vinschool.

**1.2. Lĩnh vực đào tạo:** UBND huyện đã xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023; mở 19 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn, với 659 học viên; 72 lớp tuyên truyền tư vấn hướng nghiệp cho lao động nông thôn với 3.600 học viên; 05 lớp tiếng dân tộc Mông với 234 học viên.

## **2. Văn hóa, thể thao, du lịch; thông tin - truyền thông**

### **2.1. Văn hóa, thể thao, du lịch**

- Ban hành Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hoá, thể thao và du lịch; Kế hoạch phát triển Du lịch năm 2023. Tổ chức thành công các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao theo kế hoạch<sup>10</sup>; xây dựng và ban hành các kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và công tác gia đình của huyện, kế hoạch tuyên truyền tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, du lịch do tỉnh tổ chức<sup>11</sup>. Cung cấp thông tin liên quan đến di sản văn hóa phi vật thể “Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam” đã được UNESCO ghi danh trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Phối hợp với Bảo tàng tỉnh tổ chức khảo sát, nghiên cứu, khai thác thông tin về dân ca của dân tộc Tày;

- Phối hợp với Bảo tàng tỉnh Điện Biên và UBND xã Sính Phình khảo sát mở lớp truyền dạy nghệ thuật chế tác khèn Mông truyền thống; triển khai lắp đặt biển tên Di tích cấp tỉnh Thành Vàng Lông; chỉnh trang cảnh quan Di tích cấp quốc

<sup>9</sup> Mầm non tăng 08 trẻ (05 trẻ chuyển đến, 03 trẻ huy động ra lớp), tiểu học giảm 22 học sinh (chuyển đến 09 học sinh, chuyển trường đến địa phương khác 31 học sinh), THCS giảm 67 học sinh (bỏ học 49 học sinh, chuyển trường đến địa phương khác 20 học sinh, chết 02 học sinh, chuyển đến 04 học sinh), THPT giảm 110 học sinh (bỏ học 76 học sinh, chuyển trường đến địa phương khác 23 học sinh, 11 học sinh học tại các trường chuyên nghiệp hoặc không đăng ký nhập học), Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên giảm 04 học viên (bỏ học).

<sup>10</sup> Chương trình văn nghệ đón xuân xuân Quý Mão năm 2023, chương trình giao lưu văn nghệ tiễn tân binh lên đường nhập ngũ năm 2023; giải cầu lông mừng Đảng quang vinh, mừng xuân Quý Mão 2023; Hội thi chọi dê và biểu diễn khèn mông tại xã Xá Nhè;

<sup>11</sup> Kế hoạch số 45/KH-BCĐ ngày 08/3/2023 về thực hiện Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; Kế hoạch số 23/KH-BCĐ ngày 13/02/2023 về thực hiện nhiệm vụ trọng tâm phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và công tác gia đình” năm 2023; Tham dự các nội dung trong khuôn khổ Lễ hội Hoa ban và ngày hội Văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh Điện Biên lần thứ VII năm 2023. Kết quả đạt giải A nội dung thi Không gian văn hóa vùng cao, Người đẹp Tủa Chùa đạt giải Người đẹp có gương mặt khả ái; giải C Hội thi âm thực Hương sắc Điện Biên; 01 giải A, 01 giải B, 01 giải C các nội dung văn hóa, văn nghệ; 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 03 giải Ba các nội dung thi đấu thể thao.

gia hàng động Khó Chua La; duy trì chương trình văn nghệ tại chợ Đêm Tòa Chùa vào tối thứ bảy hàng tuần; tổ chức nhiều hoạt động hưởng ứng tháng hoạt động thể dục, thể thao cho mọi người và ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2023; phối hợp với Đoàn công tác của Truyền hình Thông tấn - Thông tấn xã Việt Nam thực hiện phóng sự quảng bá tài nguyên, sản phẩm du lịch huyện Tòa Chùa;

- Hoạt động du lịch đã có bước phát triển tích cực; kết cấu hạ tầng kỹ thuật và cơ sở vật chất phục vụ hoạt động du lịch, công trình hạ tầng văn hóa phục vụ thu hút du lịch từng bước được quan tâm đầu tư phát triển, góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng phục vụ tại các điểm du lịch. Trong 6 tháng đầu năm 2023, đón trên 18.500 lượt khách đến tham quan, trải nghiệm tại huyện.

## **2.2. Thông tin - Truyền thông**

- Tổ chức treo 114 băng zôn tuyên truyền, 71 lượt tuyên truyền trên xe thông tin lưu động<sup>12</sup>; xây dựng 32 bài tuyên truyền dịch bằng 3 thứ tiếng (Kinh, Thái, Mông) để tuyên truyền trên xe thông tin lưu động; xây dựng 50 bản tin, 600 tin, 109 phóng sự, 24 trang truyền hình cơ sở, 174 tin bài đăng trên Trang thông tin điện tử tổng hợp của huyện và Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; Tham dự Hội thi Tuyên truyền lưu động tỉnh Điện Biên lần thứ XVIII tại huyện Mường Chà<sup>13</sup>;

- Duy trì tốt công tác thu, tiếp sóng các chương trình truyền thanh - truyền hình của Trung ương, chương trình thời sự của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Điện Biên; tiếp phát lại 6.840 giờ sóng truyền thanh, 36 giờ phát sóng phát thanh của địa phương;

- Tập trung triển khai các hoạt động xây dựng chính quyền điện tử; tiếp tục triển khai nâng cấp, điều chỉnh cấu trúc giao diện; 100% cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện và UBND 12 xã, thị trấn đã kết nối liên thông với trực liên thông văn bản quốc gia; tỷ lệ văn bản được ký số đạt 96,14%. phê duyệt kết quả chỉ số đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của UBND các xã, thị trấn trên năm 2022.

## **3. Y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình**

### **3.1. Y tế**

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện, UBND các xã, thị trấn tiếp tục quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả chỉ đạo của Trung ương, tỉnh và của huyện về công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19;

- Công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho người dân, phòng chống dịch bệnh được tăng cường; chương trình tiêm chủng mở rộng, chương

<sup>12</sup> Tuyên truyền: Mừng Đảng, mừng xuân Quý Mão năm 2023; hội xuân xã Xá Nhè ; 93 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; hiến máu tình nguyện năm 2023; Lễ Giao nhận quân năm 2023; Lễ hội Hoa Ban và ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh Điện Biên lần thứ VII năm 2023; ngày Giải phóng Miền nam 30/4-01/5/2023, kế hoạch tổ chức đêm văn nghệ mừng xuân và bắn pháo hoa tại huyện; an toàn giao thông, đề án 06; thay đổi thông tin sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, công tác tuyển sinh vào lớp 10 Trường THPT năm 2023...

<sup>13</sup> Kết quả đạt Giải C - Câu chuyện thông tin tổng hợp, giải B - Tuyên truyền xe thông tin lưu động; giải B - Màn chào hỏi; giải C - Tuyên truyền ảnh; giải tuyên truyền viên xuất sắc; giải Khuyến khích toàn đoàn.

trình phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em dưới 5 tuổi và các chương trình, mục tiêu Y tế - Dân số được triển khai thực hiện có hiệu quả, duy trì 11 xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011-2020 và 02 xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 (theo QĐ 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ Y tế); kiểm tra, giám sát 261 lượt cơ sở vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các cơ sở trên địa bàn huyện, qua kiểm tra phát hiện 01 cơ sở vi phạm; lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính; thu nộp ngân sách nhà nước tổng số tiền 2.000.000đ; tổ chức khám bệnh cho 23.023 lượt người, điều trị nội trú 5.267 lượt người, điều trị ngoại trú 111 lượt người.

- Trong 6 tháng đầu năm trên địa bàn huyện xuất hiện dịch bệnh Than, Trung tâm Y tế đã xây dựng Kế hoạch phòng, chống bệnh đảm bảo theo quy định. Đến thời điểm hiện tại có 11 người mắc bệnh than và đã được điều trị khỏi bệnh.

**3.2. Dân số:** Dân số trung bình 62.778 người, chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình được bảo đảm; công tác truyền thông nâng cao nhận thức của người dân về hậu quả của tảo hôn, hôn nhân cận huyết được triển khai sâu rộng đến cơ sở, trong 6 tháng đầu năm có 115 trường hợp tảo hôn, không có người hôn nhân cận huyết; tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi 44,1‰, tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi 46,9‰.

#### **4. Lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội**

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch giải quyết việc làm, kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2023. Duy trì việc làm thường xuyên 35.642 người, tạo việc làm mới 390 người (đạt 48,75% kế hoạch); phối hợp với Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh mở Hội chợ việc làm, tuyên truyền, tư vấn và tuyển dụng 38 lao động đi làm việc trong nước theo hợp đồng; hiện đã có 02 người đi xuất khẩu lao động;

- Chi trả trợ cấp hàng tháng 32 người có công với cách mạng; tiếp nhận 03 suất quà của UBND tỉnh tặng gia đình người có công; tặng 87 suất quà cho gia đình, thân nhân người có công với cách mạng trị giá 47.850.000 đồng; rà soát, lập danh sách đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tặng quà của Chủ tịch nước cho 67 gia đình người có công, người thờ cúng liệt sĩ trị giá 20.100.000 đồng; thăm hỏi, động viên, tặng quà cho 16 gia đình người có công với cách mạng, chỉ đạo các xã, thị trấn hướng dẫn đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng mở tài khoản để chi trả trợ cấp xã hội không dùng tiền mặt từ tháng 7/2023;

- Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện tổ chức triển khai rà soát hỗ trợ làm nhà đại đoàn kết cho các hộ nghèo trên địa bàn các xã, thị trấn.

- Giải quyết kịp thời cho các chế độ chính sách, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, người già cô đơn, trẻ mồ côi... Thực hiện chi trả thường xuyên 3.647 đối tượng hưởng trợ cấp xã hội, kinh phí thực hiện trên 11.203.140.000 đồng; hỗ trợ 43,2 tấn gạo, kinh phí 648 triệu đồng cho 645 hộ bị thiếu đói, không có khả năng ăn Tết;

- Tiếp nhận, trao tặng 3.632 suất quà trị giá trên 1.663,2 triệu đồng của các tổ chức cá nhân trong và ngoài tỉnh hỗ trợ, tài trợ cho các gia đình hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn...., chúc thọ, mừng thọ cho 252 người, kinh phí thực

hiện 162 triệu đồng, hỗ trợ chi phí mai táng do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn giao thông, tai nạn lao động nghiêm trọng hoặc các lý do bất khả kháng khác cho 03 hộ gia đình, kinh phí thực hiện 54 triệu đồng, hỗ trợ chi phí mai táng đối với tượng cho 23 hộ gia đình, kinh phí thực hiện 165,6 triệu đồng; Hỗ trợ mai táng phí đột xuất, khẩn cấp cho: 03 hộ gia đình với kinh phí thực hiện: 54. Triệu đồng; chỉ đạo các xã cấp giấy chứng nhận cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định;

- Triển khai công tác bảo vệ trẻ em trên địa bàn huyện năm 2023; Khám sàng lọc cho trẻ em khuyết tật 46 trẻ, chỉ định đi phẫu thuật phục hồi 17 trẻ, phối hợp làng trẻ em SOS Điện Biên phủ sơ tuyển 09 trẻ em mồ côi, mất nguồn nuôi dưỡng, trẻ em có HCĐBKK đi nuôi dưỡng tại làng, tặng 408 suất quà trị giá 102.000.000 đồng cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khuyết tật, mồ côi; tặng 2 suất quà cho Trung tâm Bảo trợ xã hội và Làng trẻ em SOS tỉnh Điện Biên trị giá 5.000.000 triệu đồng. Tiếp nhận 120 đồ ấm (chăn, áo khoác, bát tất) của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh trị giá 60 triệu đồng trao tặng cho các trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

- Chỉ đạo các xã, thị trấn rà soát, lập danh sách cấp thẻ BHYT cho đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số và trẻ em dưới 6 tuổi theo đúng quy định. Toàn huyện có 2.202 người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; 950 người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện; 1.698 người tham gia bảo hiểm xã hội thất nghiệp; 62.296 người tham gia bảo hiểm y tế.

### **III. Thực hiện các nguồn vốn**

**1. Vốn đầu tư:** Tổng các nguồn vốn đầu tư và vốn sự nghiệp được giao năm 2023 để thực hiện đầu tư xây dựng các công trình, dự án và các nội dung chính sách hỗ trợ của huyện: 434.117,506 triệu đồng, trong đó dự toán chuyển nguồn năm trước sang 23.821,740 triệu đồng, đã giải ngân 129.718,539 triệu đồng (đạt 29,88% kế hoạch vốn giao), cụ thể:

**1.1. Nguồn vốn đầu tư công trung hạn:** Tổng kế hoạch vốn đầu tư công được giao 301.828,942 triệu đồng, đã giải ngân 105.349,066 triệu đồng (đạt 34,9% kế hoạch vốn giao), chi tiết như sau:

- Vốn ngân sách địa phương (cấp tỉnh quản lý): Kế hoạch vốn giao 13.000 triệu đồng, đã giải ngân 4.077,564 triệu đồng (đạt 31,37% kế hoạch vốn giao);

- Vốn ngân sách địa phương (cấp huyện quản lý): Kế hoạch vốn giao 17.503 triệu đồng, đã giải ngân 11.715,923 triệu đồng (đạt 66,94% kế hoạch vốn giao);

- Vốn ngân sách trung ương: Kế hoạch vốn giao 271.325,942 triệu đồng, đã giải ngân 89.555,579 triệu đồng (đạt 33,01% kế hoạch vốn giao), trong đó:

+ Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Kế hoạch vốn giao 49.793 triệu đồng, đã giải ngân 9.017,475 triệu đồng (đạt 318,11% kế hoạch vốn giao);

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025: Kế hoạch vốn giao 61.302,442, trong đó dự toán chuyển nguồn năm trước sang

8.8182,442 triệu đồng, đã giải ngân 3.305,977 triệu đồng (đạt 5,39% kế hoạch vốn giao);

+ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: Kế hoạch vốn giao 18.500 triệu đồng, đã giải ngân 13.224,642 triệu đồng (đạt 71,48% kế hoạch vốn giao);

+ Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng: Kế hoạch vốn giao 70.000 triệu đồng, đã giải ngân 47.782,448 triệu đồng (đạt 68,26% kế hoạch vốn giao);

+ Chương trình ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La: Kế hoạch vốn giao 71.531 triệu đồng, đã giải ngân 16.225,037 triệu đồng (đạt 22,68% kế hoạch vốn giao);

+ Dự án bảo vệ và phát triển rừng: Kế hoạch vốn giao 200 triệu đồng, hiện chưa giải ngân thanh toán;

**1.2. Vốn cân đối ngân sách huyện và các nguồn vốn khác:** Kế hoạch vốn giao 29.453,268 triệu đồng, đã giải ngân 19.422,601 triệu đồng (đạt 65,94% so với kế hoạch giao), chi tiết như sau:

- Vốn cân đối ngân sách huyện: Kế hoạch vốn giao 18.743,798 triệu đồng, đã giải ngân 10.629,875 triệu đồng (đạt 56,71% so với kế hoạch vốn giao);

- Vốn sự nghiệp giáo dục: Kế hoạch vốn giao 5.983,47 triệu đồng, đã giải ngân 5.807,5 triệu đồng (đạt 97,06% so với kế hoạch vốn giao);

- Kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ: Kế hoạch vốn giao 235 triệu đồng, đã giải ngân 235 triệu đồng (đạt 100% so với kế hoạch vốn giao);

- Hoạt động phát triển kinh tế - xã hội: Kế hoạch vốn giao 4.491 triệu đồng, đã giải ngân 2.750,243 triệu đồng (đạt 61,24% so với kế hoạch vốn giao).

**1.3. Nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư và vốn sự nghiệp môi trường:** Tổng kế hoạch vốn giao 6.212 triệu đồng, đã giải ngân 1.949,25 triệu đồng (đạt 31,38% so với kế hoạch giao), chi tiết như sau:

- Vốn hỗ trợ phát triển đất trồng lúa: Kế hoạch vốn giao 1.761 triệu đồng, đã giải ngân 1.396,908 triệu đồng (đạt 79,32% so với kế hoạch vốn giao);

- Vốn miễn giảm thủy lợi phí: Kế hoạch vốn giao 1.841 triệu đồng, hiện chưa giải ngân thanh toán;

- Vốn sự nghiệp môi trường: Kế hoạch vốn giao 2.610 triệu đồng, đã giải ngân 552,342 triệu đồng (đạt 21,16% so với kế hoạch vốn giao).

**1.4. Nguồn vốn sự nghiệp các chương trình mục tiêu quốc gia:** Tổng kế hoạch vốn năm 2023: 96.623,298 triệu đồng, trong đó dự toán chuyển nguồn năm trước sang: 15.639,298 triệu đồng, đã giải ngân 2.997,621 triệu đồng (đạt 3,1% so với kế hoạch giao), chi tiết như sau:

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Kế hoạch vốn giao 54.108,695 triệu đồng, trong đó dự toán

chuyển nguồn năm trước sang 7.564,695 triệu đồng, đã giải ngân 2.013,816 triệu đồng (đạt 3,72% kế hoạch vốn giao);

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025: Kế hoạch vốn giao 39.371,605 triệu đồng, trong đó dự toán chuyển nguồn năm trước sang 7.057,605 triệu đồng, đã giải ngân 983,805 triệu đồng (đạt 2,5% kế hoạch vốn giao);

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: Kế hoạch vốn giao 3.142,997 triệu đồng, trong đó dự toán chuyển nguồn năm trước sang 1.016,997 triệu đồng, hiện chưa giải ngân thanh toán.

**2. Quyết toán công trình, dự án hoàn thành:** Trên địa bàn huyện có 39 công trình, dự án hoàn thành, với tổng mức đầu tư 247.891 triệu đồng, trong đó tỉnh quản lý 03 dự án với tổng mức đầu tư 155.678 triệu đồng, UBND huyện quản lý 34 dự án với tổng mức đầu tư 88.743 triệu đồng, UBND các xã, thị trấn quản lý 02 dự án với tổng mức đầu tư 3.470 triệu đồng; cụ thể:

- Dự án hoàn thành do UBND huyện quản lý đã phê duyệt quyết toán 05 dự án với tổng mức đầu tư 4.225,5 triệu đồng; giá trị đề nghị quyết toán 4.130,8 triệu đồng; giá trị quyết toán 4.124 triệu đồng;

- Dự án hoàn thành đã gửi đến cơ quan thẩm tra quyết toán nhưng chưa phê duyệt quyết toán 25 dự án với tổng mức đầu tư 216.695 triệu đồng; giá trị đề nghị quyết toán 193.993 triệu đồng; giá trị cấp phát thanh toán 189.746 triệu đồng, trong đó tỉnh quản lý 03 dự án với tổng mức đầu tư 155.678 triệu đồng; giá trị đề nghị quyết toán 134.643 triệu đồng, giá trị cấp phát thanh toán 134.899 triệu đồng; UBND huyện quản lý 20 dự án với tổng mức đầu tư 57.547 triệu đồng; giá trị đề nghị quyết toán 56.000 triệu đồng; giá trị cấp phát thanh toán 51.497 triệu đồng; UBND xã quản lý 02 dự án với tổng mức đầu tư 3.470 triệu đồng; giá trị đề nghị quyết toán 3.350 triệu đồng; giá trị cấp phát thanh toán 3.350 triệu đồng;

- Dự án hoàn thành do UBND huyện quản lý đang lập hồ sơ đề nghị quyết toán là 9 dự án với tổng mức đầu tư là 26.970 triệu đồng; giá trị cấp phát thanh toán 23.070 triệu đồng.

#### **IV. Công tác tư pháp, cải cách hành chính, xây dựng chính quyền, thanh tra và phòng chống tham nhũng**

##### **1. Tư pháp:**

- Xây dựng và ban hành hệ thống các văn bản triển khai công tác tư pháp, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2023; tổ chức 170 cuộc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho 8.024 lượt người được nghe; duy trì 3 xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Thị trấn, xã: Mường Báng, Mường Đun), tham gia vào 1 dự thảo văn bản QPPL<sup>14</sup>;

- Đăng ký khai sinh cho 1.009 trường hợp; đăng ký kết hôn cho 223 cặp vợ chồng; đăng ký khai tử cho 115 trường hợp; đăng ký nhận cha, mẹ, con

<sup>14</sup> Nghị quyết Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

cho 100 trường hợp; cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho 228 trường hợp; thay đổi hộ tịch 16 trường hợp; cải chính hộ tịch 66 trường hợp; bổ sung hộ tịch 02 trường hợp; xác định lại dân tộc 06 trường hợp; nuôi con nuôi 01 trường hợp; chứng thực bản sao bằng tiếng Việt 5.074 bản, chứng thực hợp đồng giao dịch 155 việc, chứng thực chữ ký trong các giấy tờ văn bản 63 việc, chứng thực điện tử 133 bản;

- Tiếp nhận, giải quyết 90 vụ hòa giải cơ sở (hòa giải thành 70 vụ, hòa giải không thành 17 vụ, đang trong thời gian giải quyết 03 vụ).

## **2. Cải cách hành chính, xây dựng chính quyền, thi đua khen thưởng**

### **2.1. Cải cách hành chính, thực hiện Đề án 06:**

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 29/7/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, gắn với nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 3074/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021- 2030 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Tiếp tục hiện đại hóa nền hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng khung chính quyền điện tử; đổi mới đa dạng hóa công tác tuyên truyền CCHC, chú trọng tuyên truyền việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Giữ vững, nâng dần chỉ số hài lòng của người dân, đại diện tổ chức đối với cơ quan hành chính Nhà nước.

- Đổi mới đồng bộ các khâu của công tác cán bộ, nhất là bổ nhiệm cán bộ theo hướng công khai, minh bạch, có tiêu chí rõ ràng với từng vị trí công tác, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát và kỷ luật hành chính. Tiếp tục chấn chỉnh thực hiện tốt hơn chế độ thông tin báo cáo của các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn.

- Tiếp nhận 2.186 hồ sơ, đã giải quyết 2.175 hồ sơ, kỳ trước chuyển qua 17 hồ sơ; trong đó dịch vụ công trực tuyến toàn trình 1.885; dịch vụ công trực tuyến một phần 284 hồ sơ; tiếp tục triển khai các nhiệm vụ cải cách tổ chức bộ máy, cải cách công vụ; chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử; duy trì Hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan chuyên môn và các xã, thị trấn.

- Tham mưu Huyện ủy ban hành Chỉ thị trong triển khai, thực hiện Đề án 06. Ban hành kế hoạch triển khai, thực hiện; kiện toàn Ban Chỉ đạo Đề án 06 cấp huyện, Tổ công tác Đề án 06 cấp xã. Tổ chức Hội nghị sơ kết triển khai thực hiện Đề án 06 năm 2022, triển khai phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 từ huyện đến cơ sở. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền tiện ích, lợi ích của Đề án 06, CCCD, định danh điện tử, làm sạch dữ liệu dân cư và dịch vụ công trực tuyến. Tổ chức Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị huyện, UBND các xã, thị trấn thực hiện Đề án 06. Tổ chức các cuộc họp từ huyện đến cấp xã chỉ

đạo giải quyết các “**điểm nghẽn**”, quyết liệt triển khai các giải pháp thực hiện hiệu quả Đề án 06. Đến nay đã cập nhật làm sạch 100% dữ liệu hội viên các đoàn thể; làm sạch các dữ liệu chuyên ngành với dữ liệu dân cư đạt trên 85%; thu nhận và cấp 44.442 hồ sơ cấp CCCD đạt 100% kế hoạch.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án về phát triển ứng dụng giữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Ban hành Quyết định kiện toàn Tổ giúp việc; kế hoạch kiểm tra Đề án 06<sup>15</sup>; trang cấp 13 máy scan, 01 bộ máy vi tính cho Công an cấp xã và đội QLHC thực hiện 25 dịch vụ công thiết yếu liên quan đến người dân trên môi trường điện tử. Tỷ lệ hồ sơ được tiếp nhận và giải quyết qua cổng dịch vụ công trực tuyến đạt 92,23%.

## **2.2. Tổ chức bộ máy, thi đua - khen thưởng**

- Tổng biên chế cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện là 1.363 người<sup>16</sup>. UBND huyện đã thực hiện giao biên chế công chức, số lượng viên chức, hợp đồng theo nghị định số 111/2022/NĐ-CP năm 2023 cho các cơ quan, đơn vị trên cơ sở các quyết định giao biên chế của UBND tỉnh và chủ trương của Ban Thường vụ Huyện ủy; thực hiện tốt các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức; tuyển dụng 04 công chức, 03 viên chức sự nghiệp khác, 45 viên chức sự nghiệp giáo dục khác theo quy định; đăng ký dự thi nâng ngạch, thăng hạng từ chuyên viên lên chuyên viên chính 13 người, chuyên viên cao cấp 01 người; bổ nhiệm 03 người, điều động và bổ nhiệm 12 người, bổ nhiệm lại 07 người<sup>17</sup>; điều động 02 công chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý về làm cán bộ cấp xã; Quyết định nghỉ hưu cho hưởng chế độ BHXH 01 người; bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp 02 người; đồng ý cho viên chức đi liên hệ chuyển công tác 14 người; Quyết định cho thôi giữ chức vụ quản lý 02 Phó Hiệu trưởng các đơn vị trường học; Quyết định chuyển đổi vị trí công tác đối với 13 người<sup>18</sup>.

- Chính quyền cơ sở: Thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ, công chức xã năm 2022 theo đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Sở Nội vụ, đến thời điểm hiện tại tổng số biên chế CBCC cấp xã là 248 người, trong đó cán bộ là 129 người, công chức là 119 người; xếp phụ cấp đối với cán bộ, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp thôn, bản,

---

<sup>15</sup> Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 14/3/2023 kiện toàn Tổ giúp việc triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn huyện năm 2023; Kế hoạch số 08/KH-BCĐ ngày 11/01/2023 của Ban Chỉ đạo Đề án 06 huyện Tòa Chùa về việc kiểm tra, khảo sát việc triển khai thực hiện các phương thức sử dụng thông tin về cư trú giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công; Kế hoạch số 366/KH-BCĐ ngày 03/3/2023 về kiểm tra kết quả triển khai, thực hiện Đề án 06 trên địa bàn huyện Tòa Chùa năm 2023; Kế hoạch số 47/KH-BCĐ ngày 03/3/2023 triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn huyện Tòa Chùa năm 2023.

<sup>16</sup> 92 công chức cấp huyện, 1.118 viên chức sự nghiệp giáo dục, 86 viên chức sự nghiệp khác, 67 nhân viên hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP

<sup>17</sup> 01 Phó Trưởng phòng và 02 Phó Hiệu trưởng các đơn vị trường học, 02 Trưởng phòng và tương đương; 02 Phó Trưởng phòng; 08 Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đơn vị trường học, 03 Hiệu trưởng, 03 Phó Hiệu trưởng các đơn vị trường học và 01 Giám đốc Ban QLDA các công trình.

<sup>18</sup> 05 viên chức Tài chính - Kế toán các đơn vị trường học; 07 viên chức các đơn vị trường học; 01 viên chức sự nghiệp khác.

tổ dân phố 05 người; biệt phái công chức cấp xã 01 người; xếp phụ cấp thâm niên Chỉ huy trưởng quân sự cấp xã 01 người; điều động công chức cấp xã 02 người; Quyết định về việc cho cán bộ cấp xã nghỉ hưu trước tuổi để hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội theo chính sách tinh giản biên chế 01 người, cho thôi nhiệm vụ người hoạt động không chuyên trách cấp xã 01 người; bố trí người hoạt động không chuyên trách cấp xã 01 người; hợp đồng 09 người trúng tuyển và tuyển dụng vào làm nhân viên thú y cấp xã; 126 người vào làm Khuyến nông viên cấp xã và Cộng tác viên khuyến nông thôn, bản năm 2023; đánh giá, xếp loại chính quyền cơ sở trên địa bàn huyện năm 2022.

- Khen thưởng: Chủ trì tổ chức hội nghị khớp điểm cụm thi đua huyện vùng cao năm 2022; chỉ đạo các cụm, khối thi đua của huyện tổng kết phong trào thi đua năm 2022; triển khai phong trào thi đua, tổ chức ký kết giao ước thi đua năm 2023. Công nhận danh hiệu lao động tiên tiến cho 36 tập thể, 187 cá nhân; 62 chiến sĩ thi đua cơ sở; khen thưởng thành tích công tác năm 2022 cho 21 tập thể và 227 cá nhân; khen thưởng đột xuất, chuyên đề cho 23 tập thể và 83 cá nhân; UBND tỉnh tặng danh hiệu tập thể Lao động xuất sắc cho 22 tập thể; Cờ thi đua xuất sắc cho 4 tập thể; Bằng khen cho 07 tập thể và 23 cá nhân; Huy hiệu “Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Điện Biên” cho 12 cá nhân; Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ Thi đua xuất sắc cho Cán bộ và Nhân dân huyện Tủa Chùa, tặng bằng khen cho 03 tập thể và 09 cá nhân; UBND tỉnh công nhận 02 sáng kiến, đề tài khoa học có phạm vi ảnh hưởng cấp tỉnh đối với 04 tác giả và đồng tác giả thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội năm 2022.

- Kỷ luật: Không.

### **3. Thanh tra, phòng chống tham nhũng, tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo**

**3.1. Công tác thanh tra:** Ban hành Kế hoạch thanh tra năm 2023, thực hiện thanh tra công tác quản lý thu, chi ngân sách tại Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; thanh tra trách nhiệm việc chấp hành các quy định của pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng; thanh tra việc chấp hành pháp luật trong quản lý ngân sách tại các xã: Xá Nhè, Sính Phình, Trung thu; ban hành kết luận thanh tra công tác quản lý thu, chi ngân sách, việc chi trả chế độ cho giáo viên và học sinh tại các trường: Mầm non Mường Đun, Mầm non Tả Phìn, Mầm non Tủa Thàng số 1, Mầm non Tủa Thàng số 2, Mầm non Lao Xả Phình trực thuộc Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện, hiện tại đã kết thúc 2 cuộc thanh tra. Qua thanh tra kiến nghị thu hồi, nộp ngân sách số tiền 66.172.000 đồng.

**3.2. Tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo:** UBND huyện ban hành công văn chỉ đạo tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo. Tiếp nhận 20 đơn kiến nghị phản ánh; đơn đủ điều kiện xử lý 20 đơn, 10 đơn thuộc thẩm quyền UBND huyện, giao các cơ quan chuyên môn tham mưu UBND huyện giải quyết, đã giải quyết 08 đơn, 02 đơn đang được

kiểm tra, xác minh để giải quyết, 10 đơn không thuộc thẩm quyền, chuyển các cơ quan liên quan giải quyết.

**3.3. Phòng, chống tham nhũng:** Ban hành Kế hoạch số 28/KH-UBND về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2023; tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các văn bản phòng ngừa tham nhũng của các cấp, các ngành liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng đến cán bộ, công chức. Đến thời điểm hiện tại toàn huyện có 67 đơn vị với 304 lượt người kê khai tài sản, thu nhập theo quy định.

## V. Công tác dân tộc và tôn giáo

### 1. Công tác dân tộc

- Triển khai có hiệu quả kịp thời các chế độ chính sách dân tộc và chương trình, dự án có liên quan đến chính sách dân tộc, đảm bảo các chế độ chính sách được thực hiện kịp thời đến với người dân; qua đó góp phần xóa đói, giảm nghèo, từng bước nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở khu vực đặc biệt khó khăn, vùng cao. Ban hành các kế thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện năm 2023<sup>19</sup>; đã triển khai, phân bổ vốn đầu tư năm 2023 và các Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; Chương trình MTQG Nông thôn mới để các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn thực hiện góp phần xây dựng cơ sở hạ tầng, đảm bảo các chế độ chính sách cho đồng bào dân tộc.

- Tổ chức thăm hỏi, động viên gia đình người có uy tín trên địa bàn huyện, tiếp tục tuyên truyền các chế độ chính sách dân tộc, các chương trình, dự án được hỗ trợ đối với thôn, xã, dân tộc còn gặp khó khăn theo Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển Kinh tế xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. Thực hiện tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc trên địa bàn huyện tổ chức đón tết an toàn, tiết kiệm, chấp hành tốt các quy định về an toàn thực phẩm, cảnh giác các hoạt động tuyên truyền đạo trái phép.

**2. Công tác tôn giáo:** Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, tạo điều kiện để các tổ chức, tín đồ tôn giáo hoạt động theo quy định của pháp luật. Tình hình tôn giáo trên địa bàn nhìn chung tương đối ổn định, không phát sinh các điểm phức tạp mất ổn định liên quan đến hoạt động tôn giáo.

## VI. Quốc phòng - an ninh

---

<sup>19</sup> Kế hoạch để thực hiện các Tiểu dự án, Dự án thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; Kế hoạch Bồi dưỡng kiến thức dân tộc thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023; Kế hoạch thực hiện Dự án 7 “Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng tâm vóc người dân tộc thiểu số, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em; Kế hoạch thực hiện tiểu Dự án 1 Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn trong Dự án 4 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; tiểu Dự án 3 Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi trong Dự án 5 thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025.

## 1. Công tác quốc phòng

- Triển khai thực hiện hiệu quả, toàn diện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương. Quản lý tốt vùng trời, nội địa; chủ động nắm chắc tình hình; không để bị động, bất ngờ. Duy trì nghiêm các chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, sẵn sàng cơ động lực lượng khắc phục sự cố thiên tai, phòng chống cháy rừng, bảo vệ rừng. Công tác tuyển quân, xây dựng lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ, giáo dục, bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng - An ninh thực hiện chặt chẽ, hiệu quả. Chỉ đạo quân sự đẩy nhanh tiến độ tham mưu quy hoạch và đầu tư xây dựng công trình phòng thủ và thao trường huấn luyện, tổ chức bàn giao công dân cho các đơn vị Quân đội, Công an thực hiện nghĩa vụ Quân sự và nghĩa vụ Công an nhân dân đạt 100% kế hoạch. Cử cán bộ đối tượng 2 đi bồi dưỡng kiến thức QP-AN tại trường Quân sự Quân khu 2 = 02 đ/c; đối tượng 3 tại Bộ CHQS tỉnh = 5/15 đ/c, kết quả đạt Khá.

- Chỉ đạo tổ chức tốt Lễ ra quân huấn luyện cho LLVT huyện; triển khai tổ chức huấn luyện, diễn tập cho các đối tượng đúng theo kế hoạch, bảo đảm tốt về nội dung, quân số và thời gian huấn luyện, mở 03 lớp tập huấn cho 206 đồng chí tiểu, khẩu đội trưởng và thôn đội trưởng; Chỉ đạo Ban CHQS các xã, thị trấn và đơn vị tự vệ tổ chức huấn luyện năm 2023 theo kế hoạch; đã huấn luyện được 08/20 cơ sở tổ chức huấn luyện xong (*Xá Nhè, Sín Chải, Mường Báng, Trung Thu, Tủa Thàng, Sính Phình, Lao Xả Phình, Tả Sìn Thàng*). Tổ chức huấn luyện dân quân binh chủng bảo đảm 03 lớp: Thời gian mỗi lớp 12 ngày, quân số 230 đồng chí; Huấn luyện dự bị động viên 01 lớp: Thời gian 15 ngày, quân số 91/96 đồng chí; Huấn luyện dân quân năm thứ nhất lớp 1 tại Ban CHQS huyện: Thời gian 15 ngày, quân số 60/60 đồng chí. Chỉ đạo xã Tủa Thàng tổ chức diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ quân số tham gia 60 đ/c, bảo đảm an toàn tuyệt đối về người và vũ khí trang bị, kết quả đạt khá. Tổ chức khám sức khỏe tuyển sinh quân sự năm 2023 quân số 71/85 thí sinh tham gia khám, qua khám sơ tuyển đạt chỉ tiêu 58 thí sinh đủ điều kiện tham gia dự thi. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị làm tốt công tác Thanh tra quốc phòng Quân khu 2 thanh tra theo Nghị định 168/2020/NĐ-CP về công tác quốc phòng ở địa phương trên địa bàn huyện.

## 2. An ninh, trật tự

- Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác bảo đảm an ninh, trật tự; bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện; chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại âm mưu, chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, đối tượng phản động; tích cực đấu tranh, ngăn chặn các yếu tố gây mất ổn định về an ninh, trật tự; kịp thời giải quyết những vấn đề phức tạp ngay tại cơ sở;

- Thực hiện tốt các biện pháp quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; nhất là quản lý cư trú, quản lý các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự; triển khai đồng bộ các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy. Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, góp

phần xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội;

- Phát hiện điều tra, xử lý 13 vụ, 14 đối tượng tàng trữ trái phép ma túy; 02 hộ gia đình trồng cây thuốc phiện, thu giữ 7,4018g Heroin, 2,8019 g Methamphetamine, 423 cây thuốc phiện; vận động nhân dân giao nộp 43 khẩu súng tự chế và 781 viên đạn chì. Tai nạn xã hội xảy ra 02 vụ, chết 02 người<sup>20</sup>.

## **C. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **I. Kết quả đạt được**

- Trong 6 tháng đầu năm 2023, trên địa bàn huyện thời tiết, khí hậu, thiên tai diễn biến bất thường, tuy nhiên dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, sự chỉ đạo, điều hành linh hoạt của UBND huyện, sự phối hợp, chủ động của các cấp, các ngành, nhiều chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội cơ bản đáp ứng được mục tiêu đề ra. Các chỉ tiêu về sản xuất, thu ngân sách trên địa bàn..., chính sách hỗ trợ sản xuất được chủ động triển khai, các dự án liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm và kêu gọi đầu tư được quan tâm; công tác chăm sóc, bảo vệ rừng tiếp tục được quan tâm chỉ đạo; các công trình dự án được triển khai kịp thời, thực hiện đúng quy định về quản lý trong lĩnh vực đầu tư; các chính sách an sinh xã hội, chính sách người nghèo, người có công, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được triển khai kịp thời, đời sống của nhân dân từng bước được nâng lên; công tác giáo dục và đào tạo có nhiều chuyển biến tích cực; công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa các dân tộc được quan tâm triển khai; chất lượng các hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao có nhiều chuyển biến tích cực;

- Kịp thời khắc phục hậu quả thiên tai, nhanh chóng ổn định đời sống sinh hoạt, sản xuất của nhân dân; công tác khám chữa bệnh cho người dân được đảm bảo; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật triển khai sâu rộng đến các thôn, bản vùng sâu, vùng xa, ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân được nâng lên; công tác cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số đã có nhiều chuyển biến tích cực; chính quyền cơ sở được củng cố; công tác thanh tra được tăng cường, không để xảy ra các vụ việc tham nhũng, lãng phí; công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư được thực hiện theo đúng quy định; tình hình tôn giáo trên địa bàn nhìn chung tương đối ổn định; Quốc phòng, an ninh luôn được bảo đảm và giữ vững, không để xảy ra đột xuất, bất ngờ.

### **II. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

#### **1. Tồn tại, hạn chế**

- Một số chỉ tiêu về sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, giao thông vận tải chưa đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch giao; việc khai thác tiềm năng lợi thế của các địa phương chưa thực sự hiệu quả.

- Tình hình giải ngân một số nguồn vốn đầu tư còn chậm như: Vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong nước, vốn sự nghiệp các Chương trình mục tiêu quốc gia,

<sup>20</sup> Đuối nước 01 vụ, chết 01 người; tai nạn 01 vụ, chết 01 người.

kinh phí miễn giảm thủy lợi phí, sự nghiệp khoa học công nghệ, kinh phí sự nghiệp môi trường.

- Công tác quản lý nhà nước về đất đai tại một số địa phương còn bất cập, công tác quản lý quy hoạch, quản lý đô thị, quản lý xây dựng, tài nguyên còn hạn chế, bất cập chưa chặt chẽ.

- Cải cách hành chính, hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước đã có tiến bộ, tuy nhiên chưa ổn định, chưa đáp ứng so với yêu cầu. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong công tác quản lý còn chưa chặt chẽ làm giảm hiệu lực hiệu quả công tác quản lý Nhà nước.

- Tình trạng học sinh bỏ học vẫn xảy ra; tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi ra lớp đầu năm học ở các cấp học còn thấp so với kế hoạch giao.

- Kết quả xóa đói giảm nghèo tuy có nhiều chuyển biến nhưng số hộ có nguy cơ tái nghèo còn lớn, giảm nghèo bền vững còn nhiều thách thức; đời sống của một bộ phận người dân còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số, tình trạng tảo hôn, sinh con thứ 3 vẫn xảy ra.

## **2. Nguyên nhân**

### **2.1. Nguyên nhân khách quan**

- Tình hình thời tiết trên địa bàn diễn biến bất thường (thời tiết nắng nóng, khô hạn kéo dài, liên tiếp xảy giông lốc làm thiệt hại lớn đến sản xuất...).

- Khả năng thu hút các các nguồn lực đầu tư phát triển gặp nhiều khó khăn, nguồn vốn chủ yếu do Trung ương và tỉnh cấp, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Hệ thống các văn bản hướng dẫn thực hiện vốn sự nghiệp các chương trình mục tiêu quốc gia ban hành chưa kịp thời, đồng bộ đã ảnh hưởng đến quá trình thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

- Đời sống vật chất và tinh thần của một bộ nhân dân là người dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn đặc biệt là các xã vùng sâu, vùng xa của huyện; nhận thức về hôn nhân gia đình còn hạn chế; việc tảo hôn sinh con sớm dẫn đến sức khỏe người mẹ và con không đảm bảo cộng với gia đình còn nhiều khó khăn, nhận thức lạc hậu là một trong những nguyên nhân tỷ lệ trẻ em có tỷ suất tử vong cao.

### **2.1. Nguyên nhân chủ quan**

- Một số địa phương chưa quyết liệt trong công tác chỉ đạo nhân dân chủ động phòng chống thiên tai, rét đậm rét hại và dịch bệnh; chưa có nhiều giải pháp cách làm hay, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ để thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp, một bộ phận người dân chậm đổi mới trong việc chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao và áp dụng kỹ thuật vào sản xuất, chưa tích cực trong công tác bảo vệ và phát triển rừng.

- Công tác quản lý, chỉ đạo điều hành và phối kết hợp trong thực hiện nhiệm vụ được UBND huyện giao của một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa

kip thời, quyết liệt, hiệu quả chưa cao; việc nắm bắt và xử lý các thông tin tại cơ sở chưa kịp thời.

- Công tác cải cách hành chính ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn thiếu sự quyết liệt của người đứng đầu. Việc triển khai thực hiện cải cách hành chính chưa có nhiều giải pháp tập trung, quyết liệt; nhiệm vụ đề ra nhiều nhưng chưa thực sự gắn với các biện pháp và điều kiện bảo đảm cần thiết; cải cách tài chính công; cải cách công vụ; xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số còn gặp nhiều khó khăn chưa đạt được mục tiêu đề ra.

- Một bộ phận người dân nhận thức về công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, thực hiện Luật Hôn nhân và gia đình còn hạn chế dẫn đến tình trạng tảo hôn, tỷ lệ sinh con thứ 3 còn cao.

## **Phần thứ II**

### **NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG - AN NINH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023**

**A. MỤC TIÊU:** Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được UBND tỉnh và HĐND huyện giao năm 2023, tạo tiền đề cho việc hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện đã đề ra.

#### **B. CÁC NHIỆM VỤ, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**

1. Tiếp tục chỉ đạo gieo trồng các loại cây trồng theo kế hoạch, phấn đấu sản lượng cây lương thực có hạt đạt 28.869,3 tấn; sản lượng cây lương thực khác đạt 7.054,2 tấn, sản lượng chè búp tươi thu hái đạt 80 tấn.

2. Chủ động các biện pháp phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm phấn đấu tổng đàn gia súc đạt 372.768 con; sản lượng thủy sản đạt 155 tấn.

3. Tiếp tục bảo vệ diện tích rừng; tuyên truyền vận động khoanh nuôi tái sinh năm đầu 200 ha rừng và bảo vệ 592 ha rừng khoanh nuôi tái sinh chuyển tiếp; độ che phủ rừng đạt 39,2%.

4. Tăng cường kiểm tra hoạt động quản lý thu, chi ngân sách; đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn vốn đầu tư và nguồn vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn, đẩy nhanh quyết toán dự án hoàn thành trên địa bàn huyện; thường xuyên kiểm tra việc kinh doanh; xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách địa phương, kế hoạch đầu tư công năm 2024.

5. Phấn đấu giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh) đạt 205,545 tỷ đồng; tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ giá hiện hành đạt 601,75 tỷ đồng.

6. Phấn đấu tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa đạt 72%; thôn, bản tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa đạt 92,5%; cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học được công nhận đạt chuẩn văn hóa đạt 100%.

7. Thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chương trình y tế - dân số, thường xuyên giám sát dịch bệnh; 95,6% trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm đầy đủ các loại

vắc xin; tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi giảm xuống 48,1/00; tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi giảm xuống 50,1/00.

**8.** Năm học 2023-2024, số học sinh có mặt đầu năm học là 22.213 học sinh; tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp 03-36 tháng tuổi đạt 30,7%, trẻ 3-5 tuổi ra lớp đạt 99,8%, trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 100%, trẻ 6 tuổi vào học lớp 1 đạt 100%, trẻ 6-10 tuổi học tiểu học đạt 99,9%, trẻ 11 tuổi vào lớp 6 đạt 97,7%, trẻ 11-14 tuổi học trung học cơ sở đạt 97%, 25/41 trường đạt chuẩn quốc gia.

**9.** Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội. Mở các lớp đào tạo nghề sơ cấp dưới 3 tháng cho 800 lao động; tạo việc làm mới cho 800 người; giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống 35,33%; tổ chức cai nghiện ma túy cho 29 người; duy trì 9 xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em; tổ chức điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023; làm tốt công tác tuyên truyền đưa người đi lao động trong nước và ngoài nước có thời hạn; thực hiện tốt Luật Trẻ em và các chính sách hỗ trợ cho trẻ em.

**10.** Tiếp tục kiện toàn bộ máy, tổ chức sắp xếp đội ngũ công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị; thực hiện kịp thời các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức; xét nâng lương năm 2023 cho cán bộ, công chức, viên chức; tiến hành kiểm tra công tác cải cách hành chính, nội vụ tại một số cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn; mở các lớp đào tạo và bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức năm 2023; đẩy mạnh công tác cải cách hành chính; tăng cường quản lý Nhà nước đối với công tác tôn giáo.

**11.** Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về đất đai; thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo kế hoạch; thực hiện tốt các quy định về thu hồi đất, giao đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; rà soát quỹ đất có khả năng đấu giá đất để đưa vào kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất; tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh việc giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp chưa có rừng; tăng cường các biện pháp quản lý khai thác khoáng sản; quản lý chặt chẽ và bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật.

**12.** Tiếp tục triển khai thực hiện các quy định về tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân đảm bảo đúng quy trình, đúng luật; kiểm tra, rà soát công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực theo quy định.

**13.** Duy trì tốt chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, quan tâm thực hiện chính sách hậu phương quân đội; chuẩn bị lực lượng sẵn sàng tham gia khắc phục hậu quả ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, phòng cháy, chữa cháy rừng; thực hiện các quy định xây dựng thể trận quân sự trong khu vực phòng thủ của huyện; đẩy nhanh tiến độ quy hoạch và đầu tư xây dựng công trình phòng thủ và thao trường huấn luyện; tổ chức diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ (*xã Sinh Bình, Tả Sìn Thàng*); diễn tập ứng phó cháy rừng - tìm kiếm cứu nạn cấp huyện; kiểm tra, đôn đốc các cơ sở tổ chức huấn luyện theo kế hoạch; Rà soát tổng hợp quân nhân dự bị hạng 1, 2; triển khai các xã, thị trấn sơ tuyển nghĩa vụ quân sự năm

2024; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh đối tượng 4 trên địa bàn huyện. Chủ động đối phó với các tình huống xảy ra trên địa bàn, không để bị động bất ngờ, kết hợp củng cố Quốc phòng - An ninh gắn với phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, bảo đảm các điều kiện cơ bản về sản xuất, đời sống cho nhân dân, thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án quốc gia về phòng chống tội phạm, chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại thủ đoạn chống phá của địch và các loại tội phạm. Tiếp tục đẩy mạnh tấn công truy quét các loại tội phạm, tăng cường tuần tra kiểm soát, xử lý các vi phạm trật tự an toàn giao thông.

## **C. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Phát triển kinh tế**

#### **1.1. Phát triển nông, lâm nghiệp và kinh tế nông thôn**

- Tích cực triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ sản xuất, tăng cường cán bộ kỹ thuật xuống cơ sở để phối hợp với các xã, thị trấn chỉ đạo sản xuất, khuyến khích ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống cây trồng, vật nuôi vào sản xuất; triển khai hiệu quả các dự án phát triển sản xuất; tăng cường kêu gọi đầu tư xây dựng phát triển các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm, khuyến khích phát triển các hình thức sản xuất có sự liên kết đảm bảo khâu sản xuất đến tiêu thụ nhằm tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn; nghiên cứu phát triển một số loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế và phù hợp với điều kiện tự nhiên của huyện; đẩy mạnh chuyên đổi phương thức nuôi trồng thủy sản thâm canh, nuôi cá lồng bè có giá trị kinh tế cao tại các khu vực có điều kiện phù hợp; phát triển các hợp tác xã, các mô hình kinh tế tập thể, mô hình trang trại trong sản xuất thủ công nghiệp và nông nghiệp, gắn sản xuất với thị trường, trao đổi hàng hóa, nâng cao giá trị của sản phẩm;

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền sâu rộng, hướng dẫn người chăn nuôi áp dụng các biện pháp phòng dịch như vệ sinh, tiêu độc, khử trùng, chăn nuôi an toàn sinh học nhằm hạn chế đến mức tối đa nguy cơ bệnh dịch, ưu tiên sử dụng nguồn giống tại địa phương để tái đàn, tăng cường kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển lợn và các sản phẩm lợn vào địa bàn theo quy định, chỉ đạo thường xuyên kiểm tra giám sát tình hình dịch bệnh trên vật nuôi tại cơ sở;

- Đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ khoanh nuôi tái sinh để tăng độ che phủ rừng. Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; thực hiện giao rừng và giao đất lâm nghiệp chưa có rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; tăng cường các biện pháp phòng chống cháy rừng, quản lý, bảo vệ rừng, xử lý nghiêm các vụ vi phạm;

- Tiếp tục chỉ đạo chăm sóc, bảo vệ diện tích chè hiện có; tập trung cải tạo nâng cao năng suất đối với diện tích chè thuộc dự án liên kết; không ngừng nâng cao chất lượng chế biến, đa dạng hóa các sản phẩm chè khô đáp ứng nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng, đẩy mạnh quảng bá giới thiệu sản phẩm chè Shan Tuyết của huyện.

#### **1.2. Giao thông, công nghiệp; quản lý đầu tư xây dựng**

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý hành lang an toàn đường bộ, quản lý trật tự xây dựng, trật tự đô thị; đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn. Tiếp tục thực hiện giao quản lý và khoán duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên các công trình đường bộ; chỉ đạo các xã vận động nhân dân tu sửa các công trình đường bộ liên xã, liên thôn bản sau mùa mưa; tranh thủ các nguồn vốn để duy tu, sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường; tăng cường kiểm tra kết cấu hạ tầng giao thông, đảm bảo an toàn giao thông;

- Thúc đẩy phát triển sản xuất vật liệu xây dựng; đẩy mạnh hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm để hỗ trợ, tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp tiếp cận các thị trường trong và ngoài tỉnh;

- Thực hiện có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư; thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên những công trình thật sự cấp bách, nâng cao hiệu quả nguồn vốn đầu tư; quản lý chặt chẽ nguồn vốn đầu tư, theo dõi sát tiến độ triển khai, chất lượng công trình các dự án để điều chỉnh kịp thời, đúng quy định;

### **1.3. Thương mại, dịch vụ**

- Khuyến khích đầu tư và hỗ trợ hoàn thiện hạ tầng thương mại tại khu đô thị; tạo điều kiện để phát triển mở rộng mạng lưới kinh doanh thương mại theo quy mô hộ kinh doanh cá thể để tạo điều kiện phát triển sản xuất và lưu thông hàng hóa;

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm và phòng chống hàng giả, gian lận thương mại; bảo đảm cung ứng đầy đủ các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, xử lý nghiêm các cơ sở vi phạm các điều kiện về kinh doanh theo quy định. Đẩy mạnh quảng bá các sản phẩm nông nghiệp và các sản phẩm thủ công truyền thống tiêu biểu của huyện đến các thị trường trong và ngoài tỉnh.

### **1.4. Quản lý, điều hành ngân sách**

- Thực hiện điều hành dự toán thu chi ngân sách linh hoạt theo đúng chỉ đạo của các cấp, các ngành; tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi tiêu hành chính theo hướng mở rộng khoán chi đối với các cơ quan đơn vị gắn với kiểm tra, giám sát đảm bảo đúng quy định của luật ngân sách, đảm bảo các khoản dự phòng chi cho các yêu cầu nhiệm vụ chi cấp bách, đột xuất phát sinh trên địa bàn; tích cực đôn đốc xử lý nợ đọng thuế trong các doanh nghiệp;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước của các cơ quan, đơn vị; thông báo công khai kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng, hạn chế thất thoát ngân sách;

- Quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí hỗ trợ xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, hỗ trợ phát triển sản xuất, đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, nhất là các lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, đổi mới công nghệ.

### **1.5. Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường**

**a) Đất đai:** Tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả quy hoạch sử dụng đất; lập kế hoạch sử dụng đất của huyện; tăng cường kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai; tiếp tục thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn, nhất là những thửa đất đã được đo đạc bản đồ địa chính nhưng chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định; triển khai các bước để chuẩn bị cho công tác đấu giá đất tại một số vị trí trên địa bàn thị trấn. Tiếp tục chỉ đạo UBND các xã, thị trấn rà soát xác định quỹ đất có khả năng đấu giá để xây dựng kế hoạch đấu giá cho năm tiếp theo.

**b) Tài nguyên, khoáng sản:** Tăng cường các biện pháp quản lý, kiểm tra việc khai thác khoáng sản sau cấp phép; quản lý chặt chẽ và bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; kiên quyết xử lý các vi phạm trong hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật.

**c) Bảo vệ môi trường:** Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác bảo vệ môi trường, tổ chức các hoạt động tuyên truyền, mít tinh về các ngày môi trường trong năm, các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn; tổ chức thực hiện lập kế hoạch bảo vệ môi trường và xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền UBND huyện; chỉ đạo các xã thực hiện hiệu quả công tác bảo vệ môi trường.

## **2. Văn hóa - xã hội**

**2.1. Giáo dục và đào tạo:** Tập trung chỉ đạo ngành giáo dục và đào tạo huyện thực hiện nghiêm túc công tác bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và bồi dưỡng triển khai thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ và kế hoạch biên chế năm học 2023-2024; phối hợp tổ chức tốt kỳ thi THPT Quốc gia năm 2023; chuẩn bị các điều kiện phục vụ cho năm học mới 2023-2024; chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn huy động tối đa học sinh trong độ tuổi ra lớp, thực hiện kiểm tra, rà soát các tiêu chuẩn trường học đạt chuẩn quốc gia và đánh giá ngoài một số cơ sở giáo dục theo kế hoạch, hoàn thiện cơ sở vật chất để xây dựng trường Mầm non Sính Phình đạt chuẩn quốc gia.

**2.2. Y tế:** Tiếp tục thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, đẩy nhanh tiến độ tiêm vắc xin cho những nhóm đối tượng theo quy định; chủ động phòng, chống kịp thời các bệnh dịch phát sinh trong mùa; tăng cường cán bộ y tế có trình độ chuyên môn cao cho tuyến y tế cơ sở, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh của các cơ sở y tế; chú trọng công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, giảm tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi và 5 tuổi, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng chiều cao cân nặng của trẻ; thường xuyên kiểm tra, giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm, các cơ sở hành nghề y - dược tư nhân, kinh doanh mỹ phẩm trên địa bàn huyện; duy trì và nâng cao các tiêu chí quốc gia về y tế của các xã đã được công nhận.

### **2.3. Văn hóa, thể thao, du lịch; thông tin và truyền thông**

- Đẩy mạnh hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao tại cơ sở; xã hội hóa hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; thực hiện có hiệu quả Chương trình

mục tiêu quốc gia về văn hóa; đẩy mạnh phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao theo kế hoạch; tăng cường huy động các nguồn lực để bảo tồn, tôn tạo và phát huy các di sản văn hoá các dân tộc, các di tích đã được công nhận; tăng cường công tác quản lý các dịch vụ văn hóa, thể thao, thông tin truyền thông, đẩy mạnh tuyên truyền các sự kiện, các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh, của huyện;

- Nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin, trọng tâm là tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển du lịch năm 2023, xây dựng kế hoạch phát triển du lịch năm 2024.

#### **2.4. Lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội; thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**

- Tăng cường công tác truyền thông về xóa đói, giảm nghèo; chỉ đạo triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, chính sách người có công; tiếp tục mở các lớp đào tạo nghề, đẩy mạnh công tác giới thiệu việc làm, xuất khẩu lao động;

- Nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy; theo dõi quản lý chặt chẽ số người nghiện ma túy, giúp người nghiện sau cai hòa nhập cộng đồng; tiếp tục duy trì các cơ sở điều trị, cấp phát methadone;

- Tập trung chỉ đạo UBND các xã, thị trấn quản lý chặt chẽ số lao động địa phương ra ngoài huyện làm việc để triển khai thực hiện các chế độ chính sách hỗ trợ theo quy định.

#### **2.5. Công tác dân tộc, tôn giáo**

Tập trung huy động các nguồn lực để triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn huyện đảm bảo hoàn thành kế hoạch. Quán triệt và thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, tôn giáo. Nâng cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền, MTTQ và đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện tốt các văn bản của Đảng, Nhà nước, của tỉnh về công tác tôn giáo. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo. Tăng cường công tác vận động, tranh thủ chức sắc, chức việc, người có uy tín trong các tôn giáo; tập trung xây dựng lực lượng cốt cán trong các tôn giáo; quản lý đối với các điểm nhóm chưa đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung, hướng dẫn các điểm nhóm này đăng ký theo quy định. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án "Bồi dưỡng nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo giai đoạn 2022 - 2026.

### **3. Xây dựng chính quyền, cải cách hành chính, thi đua, khen thưởng; thanh tra, tư pháp**

#### **3.1. Xây dựng chính quyền, cải cách hành chính, thi đua, khen thưởng**

- Đẩy mạnh công tác xây dựng củng cố chính quyền trong sạch, vững mạnh; công tác dân vận của cơ quan nhà nước theo quy định; tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ từ huyện đến cơ sở; thực hiện luân chuyển cán bộ; rà soát, sắp xếp, bố trí hợp lý cơ cấu tổ chức, biên chế theo hướng tinh gọn, hiệu quả; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ hàng năm; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm người đứng đầu, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước;

- Tiếp tục nâng cao nhận thức, coi trọng công tác tuyên truyền, quán triệt sâu rộng các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về cải cách hành chính. Nâng cao vai trò của cơ quan thường trực tham mưu cho UBND huyện trong công tác điều phối chung, tổng hợp, đôn đốc và theo dõi việc thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá quá trình triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính. Nâng cao năng lực của đội ngũ công chức làm công tác cải cách hành chính; bố trí đủ nguồn lực tài chính cho cải cách hành chính. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số triển khai đồng bộ trên địa bàn huyện Tòa Chùa; đảm bảo sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến, bư chính công ích.

- Thực hiện hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng.

### **3.2. Thanh tra, tư pháp**

- Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt Luật Thanh tra, Luật Phòng chống tham nhũng, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo. Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chuyên môn triển khai kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát nhằm ngăn chặn các trường hợp có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí. Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống tham nhũng, tập trung vào các giải pháp phòng ngừa, tăng cường tính công khai, minh bạch. Chỉ đạo thực hiện đồng bộ công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí; tập trung thanh tra việc quản lý, sử dụng ngân sách, quản lý đầu tư xây dựng, quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản; giải quyết đúng quy trình về đơn thư khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân, không để đơn thư tồn đọng; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chấp hành nghiêm các kết luận thanh tra, kiểm toán của các cấp, các ngành;

- Chỉ đạo đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý. Tiếp tục thực hiện tốt công tác kiểm tra, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn, tăng cường quản lý nhà nước về công tác đăng ký và quản lý hộ tịch, chứng thực, theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính...

**4. Xây dựng nông thôn mới:** Tiếp tục triển khai thực hiện việc kết hợp hiệu quả các nguồn vốn có cùng mục tiêu qua đó góp phần cải thiện hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, thúc đẩy phát triển sản xuất và nâng cao đời sống nhân dân hướng đến xây dựng nông thôn mới, tiếp tục chỉ đạo các xã Mường Đun, Tòa Thàng, Mường Báng cơ bản hoàn thành các tiêu chí để đạt chuẩn nông thôn

mới, vận động người dân ủng hộ, hưởng bằng các hình thức như tham gia lao động, hiến đất để xây dựng, nâng cấp một số tuyến đường giao thông nông thôn, thực hiện tu sửa, dọn vệ sinh nơi ở và nơi công cộng; huy động nhân dân, các tổ chức đóng góp công sức, hiến đất xây dựng cơ sở hạ tầng.

**5. Quốc phòng - an ninh:** Tiếp tục tăng cường năng lực phòng thủ, chủ động đối phó với các tình huống, diễn biến, không để xảy ra các tình huống bất ngờ; kết hợp củng cố quốc phòng - an ninh với phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói giảm nghèo, bảo đảm các điều kiện cơ bản về sản xuất, đời sống cho nhân dân; thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án quốc gia về phòng chống tội phạm; chủ động phòng ngừa, đấu tranh kiềm chế, làm giảm các loại tội phạm; ngăn chặn có hiệu quả việc tuyên truyền đạo trái pháp luật; tăng cường công tác vận động thu hồi vũ khí, chất nổ, phòng cháy chữa cháy.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm; phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023 của UBND huyện Tủa Chùa./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh Điện Biên;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lường Tuấn Anh**

Biểu 01

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU NÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /6/2023 của UBND huyện Tủa Chùa)

S TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Kế hoạch giao năm 2023	Thực hiện 6 tháng năm 2023												So sánh %		
					Tổng số	Trong đó											Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Kế hoạch giao năm 2023	
						Thị trấn	Mường Báng	Xá Nhè	Mường Đùn	Tủa Thàng	Sính Phình	Trung Thu	Tả Phìn	Lao Xã Phình	Tả Sin Thàng	Sín Chải			Huổi Số
A	Nông nghiệp																		
I	Sản xuất cây lương thực																		
-	Tổng diện tích cây lương thực có hạt	Ha	8.589	9.193	7.081	249	858	801	335	505	1.030	537	544	525	574	770	353	82,44	77,03
-	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn	3.896,27	28.869,3	3.870,11	1.069	495	491	788	397	360	58	200		21		5,9	99,3	13,41
	Trong đó: - Sản lượng thóc	Tấn	3.646,32	15.197,1	3.620,11	1.069	494,9	490,6	787,5	397	102	58	199,7		20,8			99,28	23,82
-	Sản lượng thóc ruộng	Tấn	3.646,32	12.991,4	3.620,11	1.069	495	491	788	397	102	58	200		21			99,28	27,87
-	Cơ cấu thóc ruộng trong tổng sản lượng	%	93,58	45	93,54	100	100	100	100	100	28,46	100	100		100			-0,04	48,54
1	Cây lúa																		
-	Diện tích	Ha	3.426	4.030	1.918	179	273	351	160	165	360	57	74	50	49	100	100	55,98	47,59
-	Năng suất lúa	Tạ/ha	10,64	37,71	18,87	59,7	18	14,0	49,2	24,1	3	10	27,0		4,3			177,34	50,05
-	Sản lượng	Tấn	3.646,32	15.197,1	3.620,11	1.069	495	491	788	397	102	58	200		20,8			99,28	23,82
a	Lúa Đông Xuân																		
-	Diện tích	Ha	590	590	582	162	73	86	125	65	18	10	39		4			98,64	98,64
-	Năng suất	Tạ/ha	61,8	62,34	62,2	66	67,8	57,7	63	61,1	56,9	57,8	51		52			100,65	99,78
-	Sản lượng	Tấn	3.646,32	3.677,94	3.620,11	1.069	494,9	490,6	787,5	397	102	58	199,7		20,8			99,28	98,43
b	Lúa mùa																		
-	Diện tích	Ha	1.258	2.054															
-	Năng suất	Tạ/ha		45,3															
-	Sản lượng	Tấn		9.313,4															
c	Lúa nương																		
-	Diện tích	Ha	1.578	1.386	1.336	17	200	265	35	100	342	47	35	50	45	100	100	84,7	96,39
-	Năng suất	Tạ/ha		15,91															
-	Sản lượng	Tấn		2.205,73															
2	Cây ngô																		
-	Diện tích	Ha	5.163	5.163	5.163	70	585	450	175	340	670	480	470	475	525	670	253	100	100
-	Năng suất	Tạ/ha	0,48	26,48	0,48						3,8						0,2	100,02	1,83
-	Sản lượng	Tấn	249,95	13.672,2	250						257,4						5,94	100,02	1,83
a	Ngô xuân																		
-	Diện tích	Ha	133	133	133						130						3	100	100
-	Năng suất	Tạ/ha	18,79	19,8	19,8						19,8						19,8	105,36	100
-	Sản lượng	Tấn	250	263,3	263,34						257,4						5,94	105,36	100

S TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Kế hoạch giao năm 2023	Thực hiện 6 tháng năm 2023												So sánh %		
					Tổng số	Trong đó											Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Kế hoạch giao năm 2023	
						Thị trấn	Mường Báng	Xá Nhè	Mường Đùn	Tủa Thàng	Sính Phình	Trung Thu	Tả Phìn	Lao Xã Phình	Tả Sin Thàng	Sín Chải			Huổi Số
<b>b</b>	<b>Ngô hè thu</b>																		
-	Diện tích	Ha	5.030	5.030	5.030	70	585	450	175	340	540	480	470	475	525	670	250	100	100
-	Năng suất	Tạ/ha		26,66															
-	Sản lượng	Tấn		13.408,9															
<b>II</b>	<b>Cây lương thực khác</b>																		
<b>1</b>	<b>Sắn</b>																		
-	Diện tích	Ha	384	575	595		50	10		80	20					85	350	154,9	103,48
-	Năng suất	Tạ/ha		110,16															
-	Sản lượng	Tấn		6.334,2															
<b>2</b>	<b>Khoai</b>																		
-	Diện tích	Ha	78	85	70	2	5	5	8	12	12	-	4	5	7	5	5	89,7	82,35
-	Năng suất	Tạ/ha		84,7															
-	Sản lượng	Tấn		720															
<b>III</b>	<b>Cây công nghiệp</b>																		
<b>1</b>	<b>Cây CN ngắn ngày</b>																		
<b>a</b>	<b>Cây đậu đỗ các loại</b>																		
-	Diện tích	Ha	66,7	143	115	2	12	12	13	13	18	9	10	7	7	8	4	172,41	80,42
-	Năng suất	Tạ/ha	14	16,6															
-	Sản lượng	Tấn	93,4	237															
<b>b</b>	<b>Lạc</b>																		
-	Diện tích	Ha	14	40	11		1	2	1			2	1		2	2		78,57	28
-	Năng suất	Tạ/ha	11,8	11,82	11,8		11,8	11,8	11,8			11,8	11,8		11,8	11,8		100	100
-	Sản lượng	Tấn	16,52	47,3	13		1,2	2,4	1,2			2,4	1,2		2,4	2,4		78,7	27,5
<b>2</b>	<b>Cây CN dài ngày</b>																		
<b>*</b>	<b>Chè</b>																		
-	Diện tích	Ha	595,89	595,89	595,89													100	100
-	Sản lượng búp tươi	Tấn	42	80	52													124	65
-	Sản lượng chè thương phẩm	Tấn	7	13,3	8,67													124	65
<b>IV</b>	<b>Chăn nuôi</b>		<b>348.272</b>	<b>372.768</b>	<b>364.700</b>	<b>35.594</b>	<b>30.519</b>	<b>25.316</b>	<b>37.910</b>	<b>41.460</b>	<b>27.100</b>	<b>32.837</b>	<b>33.517</b>	<b>22.642</b>	<b>29.951</b>	<b>25.716</b>	<b>22.138</b>	<b>104,72</b>	<b>97,84</b>
1	Đàn trâu	Con	15.511	16.114	15.960	812	1.928	1.818	1.011	1.899	1.837	1.306	1.320	722	976	1.381	950	102,89	99,04
2	Đàn bò	Con	3.598	4.921	5.249	260	415	722	234	504	610	386	382	292	470	453	521	146	106,67
3	Đàn lợn	Con	45.905	49.939	49.210	4.757	7.464	5.463	956	3.713	3.676	5.593	3.678	4.103	3.381	3.238	3.188	107,20	98,54
4	Đàn dê	Con	18.106	16.946	17.435	444	2.781	2.446	1.082	2.673	1.805	1.884	1.180	735	913	612	880	96,29	102,89
5	Đàn ngựa	Con	261	443	476	16	65	49	4	2	134	26	124	17	29	2	8	182,38	107,45
6	Đàn gia cầm	Con	264.891	284.405	276.370	29.305	17.866	14.818	34.623	32.669	19.038	23.642	26.833	16.773	24.182	20.030	16.591	104,3	97,17
<b>VI</b>	<b>Thủy sản:</b>																		
1	Diện tích nuôi trồng	Ha	70	70	75	13	6,4	15,28	15,99	15	3	1,2	1,5		1,03	1	2	107	107
2	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	75,01	155	50,77													67,68	32,75



Biểu 02

**CHỈ TIÊU SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /6/2023 của UBND huyện Tủa Chùa)

S TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Kế hoạch giao năm 2023	Thực hiện 6 tháng năm 2023	So sánh %	
						Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Kế hoạch giao năm 2023
<b>A</b>	<b>Công nghiệp</b>						
1	Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh)	Tỷ đồng	61,586	205,545	109,6	177,96	53,32
2	Sản lượng 1 số sản phẩm công nghiệp chủ yếu						
-	Đá xây dựng khác	1000m <sup>3</sup>	15,028	35,6	19,134	127,32	53,75
-	Gạch xây	Triệu viên	0,989	8	3,7	374,04	46,25
-	Nước máy sản xuất	Triệu m <sup>3</sup>	0,41	0,5	0,27	66	54,00
<b>B</b>	<b>Số nhóm trẻ</b>						
-	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ giá hiện hành	Tỷ đồng	295,029	601,75	312,6	105,96	51,95
<b>C</b>	<b>Vận tải</b>						
1	Vận tải hành khách						
-	Hành khách vận chuyển	Nghìn người	81,5	155	79,2	97,18	51,1
-	Hành khách luân chuyển	Nghìn người.km	12.482	26.537	13.926	111,57	52,48
2	Vận tải hàng hóa						
-	Hàng hóa vận chuyển	Nghìn tấn	229	502	274,6	119,91	54,7
-	Hàng hóa luân chuyển	Nghìn tấn.km	10.400	22.150	11.783	113,3	53,2

Biểu 03

**PHÁT TRIỂN LAO ĐỘNG VIỆC LÀM, BẢO VỆ TRẺ EM, CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI VÀ ĐÀO TẠO NGHỀ**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /6/2023 của UBND huyện Tủa Chùa)

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Kế hoạch giao năm 2023	Thực hiện 6 tháng năm 2023													So sánh %	
					Trong đó													Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Kế hoạch giao năm 2023
					Thị trấn	Mường Bàng	Xá Nhè	Mường Đun	Tủa Thành	Sính Phình	Trung Thu	Tả Phìn	Lao Xã Phình	Tả Sin Thành	Sín Chải	Huổi Số			
-	<b>Dân số trung bình</b>	Người	61.602	62.849	62.778	8.519	5.936	7.401	4.348	5.819	7.160	3.680	4.172	2.941	4.424	5.452	2.926	101,91	100
-	T đó. Nữ	Người	30.126	30.734	30.698	4.145	2.915	3.599	2.168	2.841	3.506	1.801	2.026	1.442	2.146	2.679	1.430	101,90	99,88
-	Dân số thành thị	Người	8.275	8.460	8.519	8.519												102,95	100,70
-	Dân số nông thôn	Người	53.327	54.389	54.259		5.936	7.401	4.348	5.819	7.160	3.680	4.172	2.941	4.424	5.452	2.926	101,75	99,76
<b>I</b>	<b>Lao động việc làm</b>																		
1	Tổng số người trong độ tuổi lao động	Lao động	36.610	37.490	37.203	5.836	3.302	4.454	2.460	3.420	4.135	2.178	2.394	1.635	2.562	3.085	1.742	101,62	99
-	Tỷ lệ so với dân số	%	59,43	59,65	59,26	68,51	55,6	60,18	56,58	58,77	58	59,18	57,38	55,59	57,91	56,6	59,54	-0,17	
2	Số lao động chia theo khu vực	Lao động	36.610	37.490	37.203	5.836	3.302	4.454	2.460	3.420	4.135	2.178	2.394	1.635	2.562	3.085	1.742	101,62	99
-	Lao động khu vực thành thị	Lao động	5.760	5.931	5.836	5.836												101	98,40
-	Lao động khu vực nông thôn	Lao động	30.850	31.559	31.367		3.302	4.454	2.460	3.420	4.135	2.178	2.394	1.635	2.562	3.085	1.742	101,7	99,39
3	Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên	Lao động	35.467	36.328	36.152	5.684	3.213	4.311	2.391	3.314	4.011	2.126	2.327	1.584	2.493	3.008	1.690	101,93	99,52
-	Tỷ lệ so với lao động trong độ tuổi	%	96,88	96,9	97,17	97,4	97,3	96,8	97,2	96,9	97	97,6	97,2	96,9	97,3	97,5	97	0,30	0,27
-	Trong đó: Lực lượng lao động là nữ	Lao động	17.237	17.655	17.570	2.762	1.562	2.095	1.162	1.611	1.949	1.033	1.131	770	1.212	1.462	821	101,93	99,52
4	Lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế quốc doanh	Lao động	35.036	35.805	35.642	5.622	3.161	4.217	2.360	3.274	3.959	2.098	2.294	1.562	2.463	2.963	1.669	101,73	99,5
-	Tỷ lệ so với Lực lượng lao động	%	98,78	98,56	98,59	98,7	98,8	98,9	98,8	98,9	98,7	98,9	98,6	98,8	98,8	98,6	98,8		0,03
-	Tr. đó: Nữ	Lao động	17.027	17.401	17.322	2.732	1.536	2.049	1.147	1.591	1.924	1.020	1.115	759	1.197	1.440	811	101,73	99,5
a	Công nghiệp - Xây dựng	Lao động	10.410	10.772	10.747	2.184	986	1.219	673	936	1.144	594	640	389	690	827	466	103,24	99,77
-	Tỷ lệ so với lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế quốc doanh	%	29,71	30,09	30,15	38,85	31,20	28,90	28,50	28,60	28,90	28,30	27,90	24,90	28,00	27,90	27,90	0,44	0,07
b	Nông nghiệp - Lâm nghiệp - Thủy sản	Lao động	19.683	19.959	19.717	1.890	1.739	2.328	1.369	1.932	2.336	1.301	1.457	995	1.502	1.852	1.018	100,17	98,79
-	Tỷ lệ so với lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế quốc doanh	%	56,18	55,74	55,32	33,61	55	55,2	58	59	59	62	63,5	63,7	61	62,5	61	-0,86	-0,42
c	Thương mại - Dịch vụ	Lao động	4.943	5.074	5.178	1.548	436	671	319	406	479	204	197	178	271	284	185	104,76	102,05

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Kế hoạch giao năm 2023	Thực hiện 6 tháng năm 2023													So sánh %	
					Trong đó													Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Kế hoạch giao năm 2023
					Thị trấn	Mường Bàng	Xá Nhè	Mường Đùn	Tủa Thàng	Sính Phình	Trung Thu	Tả Phìn	Lao Xã Phình	Tả Sìn Thàng	Sín Chải	Huổi Số			
-	Tỷ lệ so với lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế quốc doanh	%	14,11	14,17	14,53	27,5	13,8	15,9	13,5	12,4	12,1	9,7	8,6	11,4	11,0	9,6	11,1	0,42	0,36
5	Tổng số Lao động qua đào tạo	Lao động	11.559	11.964	11.680	4.945	839	1.000	655	653	902	659	424	198	479	517	409	101,05	97,63
-	Tr. đó: - Tỷ lệ lao động được đ/tao so với lực lượng lao động	%	32,59	32,93	32,31	87	26,1	23,2	27,4	19,7	22,5	31	18,2	12,5	19,2	17,2	24,2	-0,28	-0,63
6	Số lao động được tạo việc làm mới trong năm	Lao động	480	800	390	63	36	43	62	24	33	21	26	12	23	29	18	81,25	48,75
-	Tr. đó: - Số lao động được tạo việc làm từ quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm	Lao động	64	100	60	18	8	4	2	2	4	3	4	3	6	4	2	93,75	60
	- Tạo việc làm từ Xuất khẩu lao động	Lao động	1	5	3	2			1									300	60
7	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị	%	1,6	1,5	1,5	1,5												-0,1	
<b>II</b>	<b>Chăm sóc và bảo vệ trẻ em</b>																		
1	Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Người	1.077	890	947	105	67	130	72	76	92	63	68	56	62	94	62	87,93	106,40
2	Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được hưởng trợ cấp tại cộng đồng	Người	438	398	430	62	29	98	21	24	48	16	12	10	42	52	16	98,2	108,04
3	Số xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	Xã, thị trấn	8	8	9		1	1	1		1	1	1	1		1	1	112,5	112,5
-	Tỷ lệ xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	%	66,67	66,67	75		100	100	100		100	100	100	100		100	100	8,33	8,33
4	Số trẻ em mồ côi được nuôi dưỡng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh	Người	21	23	23	4	1	3	2	3	2	1	1	1	2	1	2	109,52	100,00
5	Số trẻ em mồ côi được nuôi dưỡng tại Làng trẻ em SOS Điện Biên Phủ	Người	42	45	45	6	2	9	2	4	5	2	6	2	3	2	2	107	100
6	Số trẻ em không nơi nương tựa được nhận nuôi dưỡng tại cộng đồng	Trẻ	32	21	25	4	2	3	2	1	3	2	2	1	2	2	1	78,13	119,05
7	Số cán bộ làm công tác bảo vệ trẻ em/cán bộ công tác xã hội các cấp tham gia quản lý trường hợp	Người	12	12	12	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	100	100
<b>III</b>	<b>Các vấn đề xã hội</b>																		
<b>III.1</b>	<b>Trật tự an toàn xã hội</b>																		
1	Số người lạm dụng ma túy (có hồ sơ quản lý)	Người	360	299	263	86	18	57	34	30	2		2	5	15	5	9	73,06	87,96
-	Trong đó: Nữ	Người	35	35	31	8	2	11	3	3			2	1	1			88,57	88,57

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Kế hoạch giao năm 2023	Thực hiện 6 tháng năm 2023													So sánh %	
					Trong đó													Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Kế hoạch giao năm 2023
					Thị trấn	Mường Bàng	Xá Nhè	Mường Đùn	Tủa Thàng	Sính Phình	Trung Thu	Tả Phìn	Lao Xá Phình	Tả Sìn Thàng	Sín Chải	Huổi Sô			
2	Số người được cai nghiện	Người	7	29	21	9	2	3	2	2	1			1			1	300	72,41
3	Số người được điều trị Methadone	Người	99	120	96													97,0	80
<b>III.2 Xoa đói giảm nghèo</b>																			
1	Tổng số hộ cuối năm	Hộ	11.741	12.408	12.042	2.010	1.119	1.536	795	1.088	1.331	667	783	497	736	931	549	102,56	97,05
2	Số hộ đói nghèo đầu kỳ theo chuẩn Quốc gia	Hộ	5.475	4.919	4.919	259	399	881	225	420	618	243	495	300	424	451	204	89,84	100
3	Số hộ đói nghèo cuối kỳ theo chuẩn Quốc gia	Hộ		4.384															
-	Tỷ lệ hộ nghèo	%		35,33															
4	Số hộ thoát nghèo	Hộ		738															
5	Số hộ tái nghèo, phát sinh nghèo	Hộ		203															
6	Số hộ cận nghèo	Hộ		2.678															
-	Tỷ lệ hộ cận nghèo	%		21,58															
7	Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số	%		99,1															
<b>III.3 Bảo hiểm xã hội</b>																			
1	Số người thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc	Người	2.232	3.229	2.226	1.008	92	164	98	131	154	100	103	67	117	111	81	99,73	68,94
-	Số người tham gia BHXH bắt buộc	Người	2.235	3.068	2.202	1.006	90	162	96	129	152	98	101	65	115	109	79	98,52	71,77
-	Tỷ lệ tham gia BHXH bắt buộc	%		10,13		99,8	97,8	98,8	98,0	98,5	98,7	98,0	98,1	97,0	98,3	98,2	97,5		
2	Số người thuộc diện tham gia BHXH thất nghiệp	Người	1.855	2.506	1.726	823	75	132	70	100	122	70	74	40	89	75	56	93,05	69
-	Số người tham gia BHXH thất nghiệp	Người	1.735	2.434	1.698	818	73	130	68	98	120	68	72	38	87	73	53	97,87	69,76
-	Tỷ lệ tham gia BHXH thất nghiệp	%		8,03		99,4	97,3	98,5	97,1	98,0	98,4	97,1	97,3	95,0	97,8	97,3	94,6		
3	Số người thuộc diện tham gia BHXH tự nguyện	Người	29.987	31.833	29.987	1.292	5.273	3.633	2.085	2.962	3.520	1.834	1.915	1.357	2.001	2.638	1.477	100	94,20
-	Số người tham gia BHXH tự nguyện	Người	846	1.125	950	511	70	42	118	46	42	30	22	9	10	15	35	112,29	84,44
-	Tỷ lệ tham gia BHXH tự nguyện	%		3,71		39,6	1,3	1,2	5,7	1,6	1,2	1,6	1,1	0,7	0,5	0,6	2,4		
<b>IV Đào tạo nghề xã hội</b>																			
-	Hệ Sơ cấp và đào tạo nghề thường xuyên dưới 3 tháng	Học viên	70	800	659	105	169	140			105	70	35		35			941,43	82,38
-	Trong đó dạy nghề cho lao động nông thôn và người dân tộc thiểu số	Học viên	70	800	659	105	169	140			105	70	35		35			941,43	82,38





<b>c</b>	<b>Trung học phổ thông</b>	<b>Học sinh</b>	<b>1.556</b>	<b>1.843</b>	<b>1.674</b>	<b>1.052</b>		<b>348</b>										<b>274</b>			<b>107,58</b>	<b>90,83</b>
-	Tr đó: HS các trường DTNT huyện	Học sinh	343	385	369	369															108	95,84
-	Học sinh bán trú	Học sinh	1.159	1.200	840	125		165										181			72,48	70,00
-	Tổng số lớp	Lớp	43	49	47	29		10										8			109,3	95,92
-	Tỷ lệ học sinh 15 tuổi vào lớp 10	%	52	64,5	52																	-13
-	Tỷ lệ học sinh 15-18 tuổi học THPT	%	55	68,4	55																	-13
-	Tỷ lệ học sinh nữ/tổng số học sinh	%	27,21	45	29,8																2,59	-15,20
-	Tỷ lệ học sinh bỏ học	%		0,5	2,15													13,14				
-	Tỷ lệ học sinh lưu ban	%		2,8																		
<b>III</b>	<b>Giáo dục thường xuyên</b>	<b>Trung tâm</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>															<b>100</b>	<b>100</b>
	<b>Hệ bổ túc văn hóa</b>	<b>H/Sinh</b>	<b>114</b>	<b>163</b>	<b>62</b>	<b>62</b>															<b>54,39</b>	<b>38,04</b>
-	Số lớp bổ túc THPT	Lớp		5	3	3																
-	Học sinh bổ túc THPT	Học sinh	114	163	62	62															54,39	38,04
<b>IV</b>	<b>Phổ cập giáo dục - Xóa mù chữ</b>																					
	<b>Tổng số xã, thị trấn</b>	<b>Xã, thị trấn</b>	<b>12</b>	<b>12</b>	<b>12</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
1	Số xã, thị trấn đạt chuẩn giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi	Xã, thị trấn	12	12	12	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	100	100
2	Số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 1	Xã, thị trấn	12	12	12	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	100	100
3	Số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2	Xã, thị trấn	12	12	12	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	100	100
4	Số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3	Xã, thị trấn	8	10	10	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	125	100
5	Số xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 1	Xã, thị trấn	12	12	12	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	100	100
6	Số xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2	Xã, thị trấn	12	12	12	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	100	100

7	Số xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3	Xã, thị trấn	5	6	6	1	1	1	1								1	1	120	100
8	Số xã, thị trấn đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1	Xã, thị trấn	12	12	12	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	100	100
9	Số xã, thị trấn đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	Xã, thị trấn	12	12	12	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	100	100
<b>V</b>	<b>Cơ sở giáo dục + Trung tâm</b>	<b>Trường</b>	<b>42</b>	<b>42</b>	<b>42</b>	<b>7</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>5</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	
<b>1</b>	<b>Các trường mầm non và phổ thông</b>	<b>Trường</b>	<b>41</b>	<b>41</b>	<b>41</b>	<b>7</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>5</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	
	Tr. đó: Trường đạt chuẩn Quốc gia	Trường	22	24	24	7	3	0	2	4	1	1	1	1	2	1	0	109,09	100	
	Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Trường	19	24	24	7	3	0	1	4	2	1	1	1	2	1	0	126,32	100	
<b>1.1</b>	<b>Trường Mầm non</b>	<b>Trường</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	
	Tr. đó: Trường đạt chuẩn Quốc gia	Trường	6	7	7	2	1		1	1			1	1				116,67	100	
	Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Trường	6	7	7	2	1			1	1		1	1				116,67	100	
<b>1.2</b>	<b>Các trường phổ thông</b>		<b>27</b>	<b>27</b>	<b>27</b>	<b>5</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	
	Tr. đó: - Trường PT DTNT huyện	Trường	1	1	1	1												100	100	
-	Tổng số trường đạt chuẩn Q.gia	Trường	16	17	17	5	2		1	3	1	1			2	1		106,25	100	
-	Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Trường	13	17	17	5	2		1	3	1	1			2	1		130,77	100	
-	Tổng số trường PTDTBT	Trường	18	18	18	1	1	1	2	2	2	2	2	1	1	2	1	100	100	
<b>a</b>	<b>Trường Tiểu học</b>	<b>Trường</b>	<b>13</b>	<b>13</b>	<b>13</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>1</b>		<b>1</b>	<b>1</b>		<b>100</b>	<b>100</b>	
	Tr. đó: Trường đạt chuẩn Quốc gia	Trường	6	6	6	2	1			2					1			100	100	
-	Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Trường	6	6	6	2	1			2					1			100	100	
-	Số trường PTDTBT	Trường	10	10	10	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1		100	100	
<b>3</b>	<b>Trường THCS</b>	<b>Trường</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>1</b>	<b>1</b>		<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>		<b>1</b>	<b>1</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	
	Trong đó: Trường đạt chuẩn Quốc gia	Trường	7	8	8	1	1		1	1	1	1	1			1		114,29	100	

-	Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Trường	4	8	8	1	1		1	1	1	1	1			1		200	100
-	Số trường PTDTBT	Trường	8	8	8				1	1	1	1	1	1		1	1	100	100
<b>c</b>	<b>Trường THPT</b>	<b>Trường</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>2</b>		<b>1</b>							<b>1</b>		<b>100</b>	<b>100</b>	
	Tr. đó: Trường đạt chuẩn Quốc gia	Trường	3	3	3	2									1		100	100	
-	Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Trường	3	3	3	2									1		100	100	
<b>2</b>	<b>Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện</b>	<b>Trung tâm</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>											<b>100</b>	<b>100</b>	
<b>VI</b>	<b>Phát triển trẻ thơ</b>																		
-	Số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên mầm non được tập huấn về tư vấn dinh dưỡng và tâm lý cho trẻ	Người	64	131	64								19		20	25		100	48,85
-	Số nhân viên nấu ăn có chứng chỉ nghề nấu ăn	Người	6	3	6								2		3	1		100	200
-	Số điểm trường mầm non có nhà vệ sinh hợp vệ sinh	Điểm trường	19	23	19								6		7	6		100	82,61
-	Số điểm trường mầm non có nguồn nước sử dụng hợp vệ sinh	Điểm trường	23	23	23								7		8	8		100	100
-	Số nhóm/lớp mầm non có đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu theo quy định	Điểm trường	37	46	37								12		12	13		100	80,43
-	Số điểm trường mầm non có 05 loại đồ chơi ngoài trời trở lên trong danh mục quy định	Điểm trường	23	23	23								7		8	8		100	100
<b>VII</b>	<b>Các chỉ tiêu phát triển thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số</b>																		
1	Tỷ lệ trẻ em DTTS nhập học đúng độ tuổi bậc tiểu học (%)	%		99,5	99,5	99,5	100	100	100	100	100	100	99	99	99	99	99		
2	Tỷ lệ người DTTS hoàn thành chương trình tiểu học (%)	%		99,6	99,8	99,6	100	100	100	100	100,0	100	100	99,5	99,5	99,5	99,5		0,2
3	Tỷ lệ người DTTS biết chữ trong độ tuổi từ 15 tuổi đến 60 tuổi (%)	%		94	90	92,8	100	94	82	94	99	99	80	92	87	78	83		-4
4	Tỷ lệ nữ người DTTS biết chữ trong độ tuổi từ 15 đến 60 tuổi (%)	%		85	86	91	100	94	80	92	99	96	85	87	76	87	80		0,5
5	Tỷ lệ học sinh nữ DTTS ở cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông (%)	%		48	48	48,2	49	50	49	45	48	48	51	49	51	41	43		

**Biểu 05**

**CHỈ TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP Y TẾ**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /6/2023 của UBND huyện Tủa Chùa)

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Kế hoạch giao năm 2023	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	So sánh %	
						Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Kế hoạch giao năm 2023
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu hoạt động:</b>						
1	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	%	39,5	95,6	34,1	-5	-61,5
2	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai đủ 4 lần/3 kỳ thai nghén	%	68,8	73	73,7	4,9	1
-	Tỷ lệ phụ nữ dân tộc thiểu số được khám thai ít nhất 4 lần trong 3 kỳ thai nghén	%	68,5	71	73,2	4,7	2
3	Tỷ lệ phụ nữ có thai được tiêm phòng UV2+	%	33	95	47,1	14	-48
4	Tỷ lệ phụ nữ có thai được tư vấn và kiểm tra HIV	%	42	67	93	51	26
5	Tỷ lệ phụ nữ có thai nhiễm HIV nhận được thuốc ARV/số phụ nữ mang thai nhiễm HIV toàn huyện	%	100	100	100		
6	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	‰	72,1	48,1	44,1	-28,0	-4
-	Tỷ suất tử vong trẻ em dân tộc thiểu số dưới 1 tuổi trên 1000 trẻ dân tộc thiểu số đẻ sống	‰	73,3	49,4	45,4	-28	-4,0
7	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi	‰	75,7	50,1	46,9	-28,8	-3,2
-	Tỷ suất tử vong trẻ em dân tộc thiểu số dưới 5 tuổi trên 1000 trẻ dân tộc thiểu số đẻ sống	‰	76,9	51,6	48,2	-28,7	-3,4
8	Tỷ số tử vong mẹ /100.000 trẻ đẻ sống	BM					
	Tỷ số tử vong mẹ DTTS /100.000 trẻ DTTS đẻ sống	BM					
9	Tỷ lệ trẻ sơ sinh dưới 2500 gr	%	2,9	3,2	2,6	-0,3	-0,6
10	Tỷ lệ trẻ nhỏ được bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu	%	45,3	47	44,6	-1	-2
11	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng/tuổi)	%	16,4	16,1	15,5	-0,9	-0,6
-	Tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi ở trẻ em dân tộc thiểu số dưới 5 tuổi	%	17	16,3	15,7	-1,3	-0,6
12	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	%	23,7	23,3	23	-0,7	-0,3
	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dân tộc thiểu số dưới 5 tuổi	%	24,3	24,0	24,5	0,5	0,5
13	Tỷ lệ các ca sinh của phụ nữ dân tộc thiểu số được cán bộ y tế đã qua đào tạo đỡ	%	44,6	46,8	46,6	2,0	-0,2
14	Tỷ lệ dân số dùng muối Iốt và các chế phẩm chứa I ốt	%	100	100	100		
15	Tỷ lệ Bướu cổ trẻ em từ 8 - 10 tuổi	%					
16	Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nhà tiêu vệ sinh hợp vệ sinh	%	52,2	61	53,8	1,6	-7,2
-	Tỷ lệ hộ gia đình dân tộc thiểu số sử dụng nhà tiêu vệ sinh hợp vệ sinh	%	48,2	49,3	50	1,8	0,7
17	Tỷ lệ mắc một số bệnh xã hội/dân số:						
-	Tỷ lệ lao các thể mới được phát hiện trong năm	1/100.000	0,03		0,04	0,01	
-	Tỷ lệ người dân tộc thiểu số mắc lao/100.000 dân dân tộc thiểu số	1/100.000	19		25,9	6,90	
-	Tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS còn sống	%	45,3		39,5	-5,8	
18	Thuốc tiêu dùng bình quân người/năm	Đồng	600.000	650.000	650.000	108	100
<b>II</b>	<b>Cơ sở cung cấp dịch vụ y tế</b>						
	<b>Tuyến huyện, xã</b>		<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
1	Trung tâm y tế huyện	Trung tâm	1	1	1	100	100
2	Phòng khám đa khoa khu vực	Phòng khám	2	2	2	100	100
3	Trạm y tế xã, thị trấn	Trạm	12	12	12	100	100
4	Tỷ lệ xã, thị trấn có trạm y tế	%	100	100	100		
<b>III</b>	<b>Giường bệnh:</b>						
	<b>Tổng số giường bệnh toàn huyện</b>	<b>Giường</b>	<b>186</b>	<b>196</b>	<b>186</b>	<b>100</b>	<b>105</b>
	Trong đó: Giường Quốc lập	Giường	150	160	150	100	107
	Tỷ lệ giường bệnh Quốc lập/vạn dân	1/10.000	24,4	25,46	23,9	-0,46	-1,6
<b>1</b>	<b>Giường bệnh Trung tâm Y tế huyện</b>	<b>Giường</b>	<b>150</b>	<b>160</b>	<b>150</b>	<b>100</b>	<b>107</b>
-	Giường bệnh Bệnh viện huyện	Giường	120	130	120	100	92
-	Giường bệnh Phòng khám đa khoa khu vực	Giường	30	30	30	100	100
<b>2</b>	<b>Giường bệnh trạm y tế xã (giường lưu)</b>	<b>Giường</b>	<b>36</b>	<b>36</b>	<b>36</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
<b>IV</b>	<b>Nhân lực y tế:</b>						
1	Tỷ lệ Bác sỹ/vạn dân	1/10.000	9,2	9,58	9,2		-0,4
2	Tỷ lệ Dược sỹ đại học/vạn dân	1/10.000	0,48	0,65	0,48	0,00	-0,17
3	Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ hoạt động	%	100	100	100	0	
4	Tỷ lệ xã có nữ hộ sinh hoặc YSSN	%	91,6	100	91,6	0,0	-8,4
5	Tỷ lệ bán có Nhân viên y tế thôn bản	%	71,6	79,6	71,6	0,0	-8
<b>V</b>	<b>Tiêu chí quốc gia về Y tế xã</b>						
-	Xã, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã 2011-2020	Xã	11	12	11	100	91,7

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Kế hoạch giao năm 2023	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	So sánh %	
						Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Kế hoạch giao năm 2023
-	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia y tế xã	%	91,7	100	91,7		-8,33
-	Xã, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 (theo QĐ 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ Y tế)	Xã			2		
-	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia y tế xã (theo QĐ 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ Y tế)	%			16,67		
<b>VI</b>	<b>Dân số - Kế hoạch hóa gia đình</b>						
<b>1</b>	<b>Dân số</b>						
<b>a</b>	<b>Dân số trung bình</b>	<b>Người</b>	<b>61.599</b>	<b>62.849</b>	<b>62.778</b>	<b>101,9</b>	<b>100</b>
-	Tỷ lệ sinh	‰	22,3	16,5	22,1	-0,16	5,6
-	Tỷ lệ dân số tăng tự nhiên	‰	6,1	11,5	11,0	4,9	-0,5
-	Mức giảm tỷ lệ sinh	‰	0,5	1,4	0,2	-0,3	-1,2
-	Tỷ lệ phát triển dân số	%	2,5	2	1,9	-0,6	-0,1
-	Tỷ số giới tính khi sinh	Số bé trai/100 bé gái		106			
<b>b</b>	<b>Dân số phân theo giới tính</b>						
-	Dân số nam	Người	31.473	32.115	32.080	101,93	99,89
-	Tỷ lệ so với tổng dân số	%	51,1	51,1	51,1	0,01	
-	Dân số nữ	Người	30.126	30.734	30.698	101,9	100
-	Tỷ lệ so với tổng dân số	%	48,9	48,9	48,9	-0,01	
<b>c</b>	<b>Dân số phân theo thành thị, nông thôn</b>						
-	Dân số thành thị	Người	8.275	8.460	8.519	102,95	100,7
-	Tỷ lệ so với tổng dân số	%	13,4	13,5	13,6	0,14	0,11
-	Dân số nông thôn	Người	53.324	54.389	54.259	101,8	99,76
-	Tỷ lệ so với tổng dân số	%	86,6	86,5	86,4	-0,14	-0,11
<b>2</b>	<b>Kế hoạch hóa gia đình:</b>						
-	Tỷ lệ nữ từ 15 - 49 tuổi so với dân số	%	30,3	28	29,3	-1	1,3
-	Tỷ lệ PN 15 - 49 tuổi có chồng	%	23,5	21	23	-0,5	2
-	Tỷ lệ các cặp vợ chồng thực hiện các biện pháp tránh thai	%	72,4	65	73	0,6	8
-	Tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (15-49 tuổi) đang sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại)	%	63	65	67	4	2
-	Tỷ lệ các bà mẹ sinh con thứ 3 trở lên so với tổng số bà mẹ sinh con trong năm	%	23,4	18,1	22	-1	3,9
<b>VII</b>	<b>Số người dân tham gia Bảo hiểm Y tế</b>	<b>Người</b>	<b>60.796</b>	<b>62.554</b>	<b>62.296</b>	<b>102,5</b>	<b>99,6</b>
-	Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm Y tế	%	98,7	99,5	99,2	0,5	-0,3
<b>VIII</b>	<b>Phòng chống HIV/AIDS</b>						
-	Tỷ lệ người nhiễm HIV có nhu cầu điều trị bằng thuốc ARV tiếp cận được thuốc ARV	%	76	87	85	9	-2
-	Số người nghiện các chất dạng thuốc phiện được điều trị thay thế bằng thuốc Methadone	Người	99	120	96	97	80
<b>IX</b>	<b>Phát triển trẻ thơ toàn diện từ 2019</b>						
1	Tỷ lệ trẻ 18 tháng tuổi tiêm sởi - rubella	%	52,4	95	53,1	45,0	-41,9
2	Tỷ lệ trẻ 18 tháng tuổi tiêm DPT mũi 4	%	52,1	95	54,3	2,2	-40,7
3	Tỷ lệ trẻ 1 - 5 tuổi tiêm viêm não 2 mũi cơ bản	%	42	95	45	3,4	-50
4	Tỷ lệ trẻ 2 - 5 tuổi tiêm viêm não mũi 3	%	40,7	95	41,0	0,3	-54
5	Tỷ lệ trẻ em < 6 tuổi bị khuyết tật tại cộng đồng được phát hiện, can thiệp sớm	%					
6	Tỷ lệ phụ nữ đẻ tại cơ sở y tế	%	41	46	43	2,1	-3
7	Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được nhân viên y tế chăm sóc tuần đầu sau sinh	%	82,3	91,9	89,3	7	-2,6
<b>X</b>	<b>Dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử</b>	<b>Người</b>		<b>31.425</b>			
	Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử	%		50,24			

**CHỈ TIÊU HƯỚNG DẪN VỀ PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP VĂN HOÁ - DU LỊCH - THỂ THAO**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /6/2023 của UBND huyện Tủa Chùa)

Số TT	Chỉ tiêu hoạt động	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Kế hoạch giao năm 2023	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	So sánh %	
						Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Kế hoạch giao năm 2023
<b>A</b>	<b>Lĩnh vực văn hóa gia đình</b>						
<b>I</b>	<b>Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa</b>						
1	Số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa	Hộ		8.900			
-	Tỷ lệ gia đình đạt văn hóa chiếm trong tổng số gia đình toàn huyện	%		72			
2	Số thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hóa	Thôn bản		111			
-	Tỷ lệ thôn, bản, đạt văn hóa chiếm trong tổng số thôn, bản toàn huyện	%		92,5			
3	Số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn văn hóa	Cơ quan		110			
-	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn văn hóa	%		100			
4	Số xã đạt tiêu chuẩn văn hóa nông thôn mới	Xã					
-	Tỷ lệ xã đạt tiêu chuẩn văn hóa nông thôn mới	%					
5	Số thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị	Thị trấn	1	1	1		100
-	Tỷ lệ thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị	%	100	100	100		
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực gia đình</b>						
1	Số ban chỉ đạo mô hình phòng chống bạo lực gia đình được thành lập tại các xã, phường, thị trấn	Ban chỉ đạo	3	3	3	100	100
-	Tỷ lệ xã phường, thị trấn có ban chỉ đạo mô hình phòng chống bạo lực gia đình	%	25	25	25		
2	Số câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững tại các thôn, bản, tổ dân phố	Câu lạc bộ	25	25	25	100	100
-	Tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố có câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững	%	20,66	20,83	20,83	0,17	
3	Tỷ lệ gia đình được tuyên truyền phổ biến các luật có liên quan đến lĩnh vực gia đình	%	100	100	100		
<b>III</b>	<b>Phát triển thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở</b>						
1	Số trung tâm văn hóa - thông tin cấp huyện	Huyện	1	1	1	100	100
2	Huyện có nhà văn hóa, thể thao, thư viện	Huyện	1	1	1	100	100
3	Số xã, thị trấn có nhà văn hóa - Thông tin	Xã	9	10	9	100	90
-	Tỷ lệ xã, thị trấn có nhà văn hóa - Thông tin	%	75	83,33	75		-8,33
4	Số thôn bản, tổ dân phố có nhà văn hóa và điểm sin hoạt cộng đồng	Thôn, bản	62	60	50	81	83,33
-	Tỷ lệ thôn bản, tổ dân phố có nhà văn hóa - Thông tin	%	51,67	50	41,67	-10	-8,33
5	Sân bóng đá mi ni tại thôn bản, tổ dân phố	Thôn, bản	24	24	24	100	100
-	Tỷ lệ thôn, bản có sân bóng đá mi ni	%	20	20	20		
<b>IV</b>	<b>Bảo tồn di sản văn hóa</b>						
1	Số lượt khách đến tham quan các điểm di tích	Lượt người		7.500	18.500		246,67
	Trong đó, lượt khách quốc tế	Lượt người		15	200		1.333,3
2	Số di tích lịch sử được xếp hạng đến cuối kỳ báo cáo	Di tích	6	6	6	100	100
<b>B</b>	<b>Lĩnh vực Thể dục, thể thao</b>						
<b>I</b>	<b>Thể thao quần chúng</b>						
1	Số người tham gia luyện tập thường xuyên ít nhất 01 môn thể thao;	Người	11.350	18.872	18.000	159	95,38
-	Tỷ lệ người tham gia luyện tập thường xuyên ít nhất 01 môn thể thao trong tổng dân số toàn huyện	%	18,8	30	28,67	9,91	-1,3
2	Số gia đình thể thao	Gia đình	1.350	2.609	2.500	185,19	95,82
-	Tỷ lệ gia đình được công nhận danh hiệu gia đình thể thao trong tổng số hộ gia đình toàn huyện	%	11,6	21	20,76	9,18	-0,2
3	Số câu lạc bộ thể thao cơ sở	Câu lạc bộ	29	34	34	117	100,00
<b>II</b>	<b>Thể thao thành tích cao</b>						

Số TT	Chỉ tiêu hoạt động	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Kế hoạch giao năm 2023	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	So sánh %	
						Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Kế hoạch giao năm 2023
1	Tham gia giải thi đấu TDTT thành tích cao	Giải		5			
-	Trong đó: Tham gia hội thi	Cuộc		5			
2	Số VĐV được đào tạo	VĐV		35			

**Biểu 07**

**CHỈ TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH**  
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /6/2023 của UBND huyện Tủa Chùa)

Số TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Kế hoạch giao năm 2023	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	So sánh %	
						Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Kế hoạch giao năm 2023
<b>A</b>	<b>Bưu chính viễn thông</b>						
<b>I</b>	<b>Bưu chính</b>						
1	Số xã có điểm bưu điện văn hóa xã	Xã	11	11	11	100	100
2	Tỷ lệ xã có điểm bưu điện văn hóa xã	%	100	100	100		
3	Số dân phục vụ bình quân	Người/điểm	5.500	4.944	5.707	104	115,43
4	Bán kính phục vụ bình quân	Km/điểm	4,32	4,4	4,32	100	98,18
<b>II</b>	<b>Viễn Thông</b>						
	<b>Số thuê bao điện thoại</b>	<b>Thuê bao</b>	<b>35.991</b>	<b>49.300</b>	<b>47.122</b>	<b>130,93</b>	<b>95,58</b>
1	Số thuê bao điện thoại cố định	Thuê bao	295	150	310	105,08	206,67
2	Số thuê bao điện thoại di động	Thuê bao	35.696	49150,0	46.812	131,14	95,24
3	Số thuê bao điện thoại di động trung bình 100 dân	Máy	59	78,2	75	126,39	95,35
4	Số trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS)	Trạm	56	65	67	119,64	103,08
5	Số xã, thị trấn có trạm thu phát sóng thông tin di động 3G	Trạm	12	12	12	100	100
<b>III</b>	<b>Internet</b>						
1	Số thuê bao internet	Thuê bao	1.969	3.110,00	2.798	142,1	90,0
2	Số thuê bao internet trung bình 100 dân	Thuê bao	3,25	5	4,46	136,95	90,04
3	Số xã, thị trấn được kết nối in tenet băng rộng	Xã	12	12	12	100	100
4	Tỷ lệ xã, thị trấn được kết nối in tenet băng rộng	%	100	100	100		
<b>B</b>	<b>Phát thanh, truyền hình, công nghệ thông tin</b>						
<b>I</b>	<b>Phát thanh</b>						
1	Tổng số giờ tiếp, phát sóng phát thanh trung ương	Giờ/năm	6.840	13.910	6.840	100	49,17
2	Số giờ phát, tiếp sóng phát thanh địa phương	Giờ/năm	72	72	36	50	50
3	Số Đài Truyền thanh không dây	Đài	7	7	7	100	100
4	Số xã, thị trấn có Đài truyền thanh không dây	Xã	7	7	7	100	100
-	Tỷ lệ xã, thị trấn có Đài truyền thanh không dây	%	58,3	58,3	58,3		
5	Số hộ nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam	Hộ	8.742	10.795	8.742	100	80,98
-	Tỷ lệ hộ nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam	%	75	87	75		-12
6	Số xã, thị trấn được phủ sóng truyền thanh địa phương	Xã	12	12	12	100	100
-	Tỷ lệ xã, phường được phủ sóng truyền thanh địa phương	%	100	100	100		
7	Số hộ nghe được Đài phát thanh địa phương	Hộ	4.460	4.628			
-	Tỷ lệ hộ nghe được đài phát thanh địa phương	%	37	37			
<b>II</b>	<b>Truyền hình</b>						
1	Số hộ xem được Đài Truyền hình Việt Nam	Hộ	11.656	10.795			
-	Tỷ lệ hộ xem được Đài Truyền hình Việt Nam	%	100	100			
2	Số xã, phường được phủ sóng truyền hình tỉnh	Xã	12	12	12	100	100
-	Tỷ lệ xã, phường được phủ sóng truyền hình tỉnh	%	100	100	100		
3	Số hộ xem được đài truyền hình địa phương	Hộ		10.795			
-	Tỷ lệ hộ xem được đài truyền hình địa phương	%		87			
<b>III</b>	<b>Công nghệ thông tin</b>						
1	Tổng số máy tính tại cơ quan, đơn vị (máy chủ, trạm, xách tay)						
-	Máy chủ	Máy	5	5	5	100	100
-	Máy trạm		392	475	537	136,99	113,05
2	Tỷ lệ cán bộ, công chức tại các cơ quan chuyên môn được trang bị máy tính						
-	Cấp huyện	%	100	100	100		
-	Cấp xã		79	100	100	21	
3	Tỷ lệ máy tính có kết nối Internet						
-	Cấp huyện	%	100	100	100		
-	Cấp xã		50	100	100	50	
4	Tỷ lệ cán bộ, công chức được cấp và thường xuyên sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành	%	100	100	100		

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Kế hoạch giao năm 2023	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	So sánh %	
						Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Kế hoạch giao năm 2023
5	Tỷ lệ cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng thư điện tử trong công việc						
-	Cấp huyện	%	100	100	100		
-	Cấp xã		70	100	100	30	

**Biểu số 8**

**CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VÀ KINH TẾ TẬP THỂ**  
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /6/2023 của UBND huyện Tủa Chùa)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Kế hoạch giao năm 2023	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	So sánh %	
						Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Kế hoạch giao năm 2023
<b>I</b>	<b>PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP</b>						
1	Số chi nhánh doanh nghiệp	Doanh nghiệp	4	4	4	100	100
2	Số doanh nghiệp tư nhân	Doanh nghiệp	34	34	34	100	100
<b>B</b>	<b>PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ</b>						
1	Tổng số hợp tác xã	Hợp tác xã	12	7	12	100	171
	Số hợp tác xã thành lập mới	Hợp tác xã	1		1	100	
2	Tổng số xã viên hợp tác xã	Người	107	65	115	107	176,92
	Trong đó: Xã viên mới	Người	7		7	100	
3	Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã	Người	35	21	36	102,86	171
	Trong đó: + Số có trình độ trung cấp, cao đẳng	Người	20	10	20	100,00	200
4	Tổng số lao động làm việc trong hợp tác xã	Người	107	65	115	107	176,92
	Trong đó: Tổng số lao động là xã viên hợp tác xã	Người	107	65	115	107	176,92
<b>C</b>	<b>PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN</b>						
1	Tổng số hộ đăng ký kinh doanh	Hộ	976	1.168	1.156	118,44	98,97
	Trong đó: Đăng ký mới	Hộ	32	50	41	128,13	82
2	Tổng số vốn đăng ký kinh doanh	Triệu đồng	60.415	59.130	61.725	102,17	104,39